

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

Tổ: Ngữ văn

GV: Đoàn Thị Bích Hà

Ngày soạn: 14/10/2025

Thời gian thực hiện: /10/2026

Tuần 8,9,10,11(Tiết 26-35, t29 Trả bài GK1)

Lớp 10/5/ 10/1/ 10/10

BÀI 3: NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia (Trích) - Thân Nhân Trung

VB 2: Yêu và đồng cảm (Trích) – Phong Tử Khải

VB 3: Chữ bầu lên nhà thơ (Trích) – Lê Đạt

- Thực hành đọc: *Thế giới mạng & tôi* (Trích) – Nguyễn Thị Hậu

2. Thực hành tiếng Việt: Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

3. Viết: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

4. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.</i> - HS biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận: + Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lý lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lý lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận. + Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lý lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết. - HS biết liên hệ, so sánh, kết nối:

	+ Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. - HS biết cách vận dụng các kiến thức về những yêu cầu sử dụng tiếng Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt: Biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn, văn bản. - HS viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. - HS biết thảo luận về một vấn đề đời sống có những ý kiến khác nhau; biết nghe và đánh giá nội dung thuyết trình của bạn. Năng lực số: -1.1.NC1b. Học sinh nhận ra rằng cần sử dụng công nghệ số để tìm hiểu sâu hơn về bối cảnh lịch sử, tác giả, hoặc các chính sách trọng dụng nhân tài hiện đại. -1.2.NC1b. Học sinh biết cách chọn lọc công cụ số phù hợp để phục vụ hoạt động -3.2.NC1a. Học sinh sử dụng các nền tảng số để thảo luận, bày tỏ quan điểm riêng về các vấn đề liên quan đến hiện tại là chính sách.
II. PHẨM CHẤT Có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
 - + Học liệu: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.
 - + Bảng kiểm đánh giá.
 - + Rubric đánh giá.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **yêu cầu, định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết 25,26

VĂN BẢN 1: HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA (TRÍCH)

Thân Nhân Trung

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

Đọc mở rộng

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Có thái độ quý trọng hiền tài

- Học tập, rèn luyện phấn đấu trở thành người tài đức, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

- 1.1.NC1b. Học sinh nhận ra rằng cần sử dụng công nghệ số để tìm hiểu sâu hơn về bối cảnh lịch sử, tác giả, hoặc các chính sách trọng dụng nhân tài hiện đại.

- 1.2.NC1b. Học sinh biết cách chọn lọc công cụ số phù hợp để phục vụ hoạt động

- 3.2.NC1a. Học sinh sử dụng các nền tảng số để thảo luận, bày tỏ quan điểm riêng về các vấn đề liên quan đến hiền tài là chính sách.

*** Tích hợp**

- Phòng chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực và giáo dục đạo đức liêm chính.

- Tích hợp nội dung lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến các vấn đề nghị luận
- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.
- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập, bảng kiểm...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về văn nghị luận

b. Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS xem clip Lê Hoàn giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, Lý Thường Kiệt giúp vua Lý trị giặc Tống, Trần Quốc Tuấn giúp vua Trần 3 lần thắng Nguyên Mông, Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi đánh giặc Minh, Ngô Thì Nhậm giúp Quang Trung viết “Chiếu cầu hiền”

Em cảm nhận như thế nào về đất nước, con người Việt Nam ta? Đặc biệt về nghệ thuật dụng người qua các triều đại?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV cho 3 HS trả lời theo cảm nhận cá nhân
- GV quan sát, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS nêu cảm nhận của cá nhân.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, cho điểm, khen thưởng HS

→ **GV dẫn vào bài:** Việc dụng người hiền tài xưa nay đã được nâng lên thành nghệ thuật. Bên Tam Quốc nổi tiếng với Khổng Minh, còn ở nước Việt ta, người có nghệ thuật dụng nhân đạt đến độ xuất chúng thì không đếm xuể, ví như các vị vua thời Lý, thời Trần, thời Lê, thời Nguyễn,... Về việc trọng hiền tài, Hồ Chí Minh cho rằng:

“Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì ta đặt ngay vào việc ấy... Nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài ngày càng phát triển, càng thêm nhiều”.

GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)

K	W	L	H
Kể tên một số bậc hiền tài trong lịch sử nước ta.	Em muốn biết thêm điều gì về vai trò của những người hiền tài với quốc gia dân tộc?	Điều em đã học được về những bậc hiền tài ấy?	Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về vai trò của người hiền tài với quốc gia dân tộc theo cách nào?
.....			
.....			
.....			

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri Thức Ngữ Văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thể loại văn nghị luận và dạng bài nghị luận xã hội nói riêng

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi tìm hiểu chung về thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu 1: Bảng tìm hiểu chung về văn nghị luận

Khái niệm			
Đề tài			
Tiểu loại			
Phương thức biểu đạt chính			
Phương thức biểu đạt hỗ trợ làm tăng tính thuyết phục			
Các yếu tố chính của văn bản nghị luận	Luận đề		
	Luận điểm		
	Luận cứ	Lí lẽ	
		Bằng chứng	
Dạng bài nghị luận xã hội	Mục đích		
	Đề tài		
	Yêu cầu chung		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP GV hướng dẫn HS tìm hiểu các Tri Thức Ngữ Văn SGK tr.72-73 Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS tìm hiểu các Tri Thức Ngữ Văn qua trò chơi: Đấu trường 30 (Một học sinh sẽ đấu với số học sinh còn lại trong lớp thông qua hệ thống câu hỏi) 1. Đây là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ? (Đáp án: Văn bản nghị luận) 2. Văn bản nghị luận bao gồm những đề tài nào? (Đáp án: Mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,...)	I. Tìm hiểu chung về văn bản nghị luận Phiếu 1: Bảng tìm hiểu chung về văn bản nghị luận <table> <tr> <td>Khái niệm</td><td>Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.</td></tr> <tr> <td>Đề tài</td><td>Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,...</td></tr> <tr> <td>Tiểu loại</td><td>Hai tiểu loại phổ biến: - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học</td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td><td>Nghị luận</td></tr> </table>	Khái niệm	Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.	Đề tài	Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,...	Tiểu loại	Hai tiểu loại phổ biến: - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học	Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận
Khái niệm	Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.								
Đề tài	Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,...								
Tiểu loại	Hai tiểu loại phổ biến: - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học								
Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận								

11. Đây là một trong nhiều dạng của văn bản nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu, nhằm tạo sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe? (Đáp án: Bài nghị luận xã hội) 12. Đề tài của bài nghị luận xã hội? (Đáp án: Bàn về một hiện tượng xã hội; bàn về một tư tưởng, đạo lý có tính phổ cập.) 13. Yêu cầu chung của một văn bản nghị luận xã hội? (Đáp án: Phải xác lập được vấn đề rõ ràng; triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng; Có lời văn chính xác sinh động.) - GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh phiếu học tập theo nhóm đôi sau khi xong cuộc chơi. *Tích hợp phát triển năng lực số: 1.1.NC1b: Học sinh (HS) sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, Bing...) để: * Tìm hiểu bối cảnh.* Tra cứu thêm: * Tìm kiếm chính sách Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS dựa trên Tri Thức Ngữ Văn đã tìm hiểu ở nhà, tham gia cuộc chơi và điền vào phiếu học tập. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trả lời các câu hỏi, HS nào trả lời được nhiều nhất cuối cùng là người chiến thắng. + GV gọi một vài HS trình chiếu sản phẩm đã hoàn thành trong phiếu học tập sau cuộc chơi. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức theo hình thức trình chiếu kết quả phiếu số 1.	<table><tr><td>Yêu cầu chung</td><td> - Phải xác lập được luận đề rõ ràng; - Triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng - Có lời văn chính xác, sinh động. </td></tr></table>	Yêu cầu chung	- Phải xác lập được luận đề rõ ràng; - Triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng - Có lời văn chính xác, sinh động.
Yêu cầu chung	- Phải xác lập được luận đề rõ ràng; - Triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng - Có lời văn chính xác, sinh động.		

Hoạt động 2.2: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả Thân Nhân Trung và văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 2: Bảng tìm hiểu về Thân Nhân Trung

Tên thật	
Năm sinh	
Quê quán	
Vị trí trong triều chính	
Vị trí văn học	
Các tác phẩm	

Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Xuất xứ đoạn trích	
Hoàn cảnh ra đời tác phẩm	
Bố cục bài văn bia	
Thể loại	
Bố cục đoạn trích	
Mục đích bài kí	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc văn bản Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những chỗ ngắt đoạn, những phần sử dụng phương thức biểu cảm - HS thể hiện được thái độ tha thiết, chân thành, tôn kính đối với bậc hiền tài trong giọng đọc - HS tìm hiểu chú thích SGK, GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề văn bản - HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK	II. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản 1. Đọc và tìm hiểu chú thích - Giọng đọc thể hiện: Thái độ tha thiết, chân thành, tôn kính đối với bậc hiền tài - Chú thích sgk tr.74-75 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản a. Tác giả Thân Nhân Trung (1418- 1499) Phiếu 2: Bảng tìm hiểu về Thân Nhân Trung

GV hướng dẫn HS đọc dựa theo bảng kiểm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đọc văn bản theo yêu cầu. + HS nhận xét lẫn nhau qua bảng kiểm (bên dưới). Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét cách đọc của HS. GV hướng dẫn HS nghe văn bản mẫu trên Youtube GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả Thân Nhân Trung và bài văn bia Tác giả Thân Nhân Trung Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 2: Tìm hiểu về Thân Nhân Trung HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV đánh giá phần trình bày của HS GV hướng dẫn HS nghe giới thiệu về Thân Nhân Trung https://www.youtube.com/watch?v=xc7hRgJE6kc Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” Bước 1: GV giao nhiệm vụ:	Tên thật	Thân nhân Trung, tự (tên chữ): Hậu Phủ.
	Năm sinh	1418 - 1499
	Quê quán	Bắc Giang
	Vị trí trong triều chính	- Danh sĩ thời Hậu Lê - Đỗ Tiến sĩ năm 1469 - Được triều đình trọng dụng - Làm quan dưới hai đời vua là Lê Thánh Tông và Lê Hiến Tông, từng giữ các chức: Đông các Đại học sĩ kiêm Tế tửu Quốc tử giám, kiêm Thượng thư bộ Lễ, trưởng Hàn lâm viện sự, Thượng thư bộ Lại, nhập nội phụ chính - Góp nhiều công sức trong việc tuyển chọn và đào tạo nhân tài
	Vị trí văn học	- Là thành viên chủ chốt của Hội Tao đàn do vua Lê Thánh Tông sáng lập - Đứng địa vị Phó đô Nguyên súy Tao đàn Nhị thập bát Tú của vua Lê Thánh Tông.
	Các tác phẩm	- <i>Thiên Nam dư hạ tập</i> - <i>Thân chinh ký sự</i> - <i>Văn bia Chiêu Lăng</i>, viết về vua Lê Thánh Tông, đặt tại lăng vị vua này - Thơ phú có vài chục bài trong: + <i>Hồng Đức quốc âm thi tập</i>, bình và họa lại thơ vua Lê Thánh Tông. + <i>Quỳnh uyển cửu ca</i> - Văn bia tiến sĩ: + <i>Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí (Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại</i>

GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 3: Tìm hiểu chung về Đoạn trích <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i> HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV hướng dẫn HS xem clip tìm hiểu về Văn Miếu Quốc Tử Giám và những văn bia ở đó qua clip trên youtube https://www.youtube.com/watch?v=X8P-0GKTycs (Từ 3:30) GV đánh giá phần trình bày của HS, chuẩn kiến thức *Tích hợp phát triển năng lực số: <i>1.2.NC1b: HS lựa chọn các công cụ/phương tiện số như: * Công cụ trình bày (PowerPoint, Google Slides) * Công cụ cộng tác (Google Docs, Padlet)</i> <i>3.2.NC1a: HS sử dụng các môi trường giao tiếp số như: * Diễn đàn/Nhóm học tập trực tuyến (Zalo, Google Classroom, Teams.* Công cụ khảo sát số (Google Forms)</i>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="782 149 1068 472"></td><td data-bbox="1068 149 1494 472"> <i>Bảo thứ ba (dùng để khắc lên bia đặt trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ thành truyền thống về sau)</i> + <i>Hồng Đức thập bát niên Đinh Mùi khoa tiến sĩ đề danh kí.</i> </td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="782 472 1494 695"> b. Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản </td></tr> <tr> <td data-bbox="782 695 1068 821"> Xuất xứ đoạn trích </td><td data-bbox="1068 695 1494 821"> Trích từ <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhân Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i> </td></tr> <tr> <td data-bbox="782 821 1068 1020"> Hoàn cảnh ra đời tác phẩm </td><td data-bbox="1068 821 1494 1020"> Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn bài kí đề khắc lên bia đặt trong Văn Miếu </td></tr> <tr> <td data-bbox="782 1020 1068 1299"> Bố cục bài văn bia </td><td data-bbox="1068 1020 1494 1299"> - Chủ trương bồi dưỡng, trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê - Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” - Danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhân Tuất (1442) </td></tr> <tr> <td data-bbox="782 1299 1068 1814"> Thể loại </td><td data-bbox="1068 1299 1494 1814"> Văn bia: là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều bài văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc </td></tr> <tr> <td data-bbox="782 1814 1068 1892"> Bố cục đoạn trích </td><td data-bbox="1068 1814 1494 1892"> - Bố cục: 3 phần </td></tr> </table>		<i>Bảo thứ ba (dùng để khắc lên bia đặt trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ thành truyền thống về sau)</i> + <i>Hồng Đức thập bát niên Đinh Mùi khoa tiến sĩ đề danh kí.</i>	b. Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản		Xuất xứ đoạn trích	Trích từ <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhân Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i>	Hoàn cảnh ra đời tác phẩm	Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn bài kí đề khắc lên bia đặt trong Văn Miếu	Bố cục bài văn bia	- Chủ trương bồi dưỡng, trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê - Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” - Danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhân Tuất (1442)	Thể loại	Văn bia: là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều bài văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc	Bố cục đoạn trích	- Bố cục: 3 phần
	<i>Bảo thứ ba (dùng để khắc lên bia đặt trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ thành truyền thống về sau)</i> + <i>Hồng Đức thập bát niên Đinh Mùi khoa tiến sĩ đề danh kí.</i>														
b. Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản															
Xuất xứ đoạn trích	Trích từ <i>Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhân Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba</i>														
Hoàn cảnh ra đời tác phẩm	Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn bài kí đề khắc lên bia đặt trong Văn Miếu														
Bố cục bài văn bia	- Chủ trương bồi dưỡng, trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê - Đoạn trích “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” - Danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhân Tuất (1442)														
Thể loại	Văn bia: là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều bài văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc														
Bố cục đoạn trích	- Bố cục: 3 phần														

		+ P1: Vai trò quan trọng của hiền tài. + P2: Những việc làm khuyến khích hiền tài của các thánh đế minh vương. + P3: Ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ.
	Mục đích bài kí	Nhằm khuyến khích, giáo dục nhân tài dưới triều Lê.

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn nghị luận	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét tính thuyết phục của văn nghị luận	
4	Giúp người nghe như sống lại cả một thời đại huy hoàng của dân tộc	

Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi (Đọc hiểu chi tiết)

a. Mục tiêu:

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 4: Tìm hiểu Vai trò của hiền tài đối với quốc gia, dân tộc

Luận đề: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia



Luận điểm 1: Vai trò của hiền tài đối với quốc gia, dân tộc	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 5: Chính sách trọng đãi nhân tài của triều đại Lê Thánh Tông.

Luận đề: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia



Luận điểm 2: Chính sách trọng đãi nhân tài của triều đại Lê Thánh Tông.
--

Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 6: Lợi ích của việc dựng tấm bia đá

Luận đề: Hiền tài là nguyên khí quốc gia
--



Luận điểm 3: Lợi ích của việc dựng tấm bia đá	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” * Tìm hiểu nhan đề Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Em đã thấy, đã nghe câu “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” ở đâu, trong hoàn cảnh nào? Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả: HS trả lời câu hỏi, nhận xét, bổ sung lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức * Tìm hiểu văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản qua việc hoàn thành phiếu học tập 4, 5, 6	III. Đọc hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi) 1. Ý nghĩa nhan đề “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”: - Hiền tài: là người tài cao, học rộng (người tài giỏi) và có đạo đức (có phẩm chất cao quý nổi bật), là thành phần ưu tú của xã hội. - Nguyên khí: là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật -> Ý nghĩa của câu: Người có tài cao, học rộng và có đạo đức có quan hệ sống còn với sự thịnh suy của đất nước. Câu nói này thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của người hiền tài đối với quốc gia, thể hiện thái độ quý trọng người hiền tài. 2. Tìm hiểu văn bản a. Hiền tài là nguyên khí của quốc gia - Câu nói thể hiện rõ nhận thức về vai trò của hiền tài đối với sự tồn vong, thịnh suy của đất nước: + “Nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thể nước yếu, rồi xuống thấp” - Tác giả giải thích rõ ràng, khúc chiết, lời lẽ mang tính khẳng định cao. - Luận điểm được triển khai qua cách so sánh đối lập:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS hoàn thành các **phiếu 4, 5, 6** với 3 nhóm thảo luận kết hợp hình thức đóng vai trải nghiệm văn bản.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản bằng cách thực hiện buổi thiết triều của vua Lê Thánh Tông cùng Thân Nhân Trung và các quan văn để thảo luận duyệt lần cuối trước khi đề bia ở văn Miếu Quốc Tử Giám

- HS đóng vai vua Lê Thánh Tông, Thân Nhân Trung và một số quan văn thực hiện buổi thiết triều.

- Người chủ trì: Lê Thánh Tông (Vai trò làm Mc dẫn dắt)

- Người đưa ý tưởng phân tích văn bản: Thân Nhân Trung

- Người đánh giá nhận xét, phản biện: các quan văn

GV tư vấn thiết kế bộ câu hỏi cho buổi luận bàn:

Vua: Nêu hoàn cảnh, ý nghĩa quan trọng của việc trọng hiền tài, việc khắc văn bia ghi danh tiến sĩ (Chú ý danh xưng: Trẫm – Ta, Khanh)

- Việc trẫm giao Khanh làm tới đâu rồi?

Thân Nhân Trung: Nêu bố cục bài văn bia

Vua dẫn dắt: Các quan văn, các Khanh có ý kiến gì về bài văn bia không?

Quan văn 1:

- Phân tích vai trò của hiền tài trong phần 1

- Đánh giá về nghệ thuật lập luận

Quan văn 2:

- Phân tích lập luận phần 2: Bàn về những việc làm khuyến khích hiền tài của các thánh đế minh vương

- Đánh giá nghệ thuật lập luận phần 2

Nguyên khí thịnh >< Nguyên khí suy

Đất nước nhiều hiền tài >< Đất nước hiếm hiền tài

Thế nước mạnh >< Thế nước suy

=> Khẳng định tính chất rõ ràng, hiển nhiên của chân lí.

- **Cách lập luận:** chặt chẽ, thuyết phục.

b. Chứng minh (Chính sách trọng đãi nhân tài của triều đại Lê Thánh Tông)

- “**Vì vậy** các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng”:

+ “Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật”

+ “Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ”

+ “Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ”...

+ “Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất”

Sử sách cho ta biết: Từ năm 1439, nhà nước phong kiến triều Lê đặt ra lệ xướng danh, yết bảng, ban mũ áo, cấp ngựa, đãi yến và vinh quy bái tổ cho những người đỗ đạt cao để khuyến khích nhân tài, phát triển giáo dục nước nhà.

- **Tuy nhiên thánh minh cho rằng:** “Chuyện hay việc tốt ...chưa đủ lưu về sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan”

->**Mục đích:** “Khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua”

- **Phương pháp lập luận: diễn dịch.**

- **Cách lập luận:** rõ ràng, khúc chiết, thấu tình đạt lý.

c. Lợi ích của việc dựng tấm bia đá

- **Lí lẽ và dẫn chứng:**

+ Dựng bia đá sẽ làm cho: “kẻ sĩ chốn trường ốc lều tranh, phận thật nhỏ mọn mà được triều đình đề cao rất mực như thế, thì họ phải làm thế nào để tự trọng tấm thân mà ra sức báo đáp -> Lí lẽ này được thể hiện

Vua đánh giá thêm, dẫn dắt vào phần 3 Quan văn 3: - Phân tích lập luận phần 3: Bàn về Ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ <i>*Tích hợp:</i> <i>-Phòng chống tham nhũng lãng phí tiêu cực và giáo dục đạo đức liêm chính:</i> <i>+GD phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và Đạo đức liêm chính, trách nhiệm của thế hệ trẻ với bản thân và xã hội</i> <i>+Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.</i> <i>+Giáo dục tinh thần, trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng.</i> <i>- Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.</i> - Đánh giá nghệ thuật lập luận phần 3 Thân Nhân Trung nêu ý tưởng viết phần 4 Vua dẫn mở rộng, liên hệ tới những bậc hiền tài trong lịch sử - GV chú ý hướng dẫn HS xung hô hợp lí. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đại diện HS các nhóm lên trình bày sản phẩm với hình thức đóng vai trải nghiệm văn bản	bằng câu văn cảm thán nên có tác dụng gợi xúc cảm rất lớn. + Dẫn chứng thực tế: ./ Có người đỗ “đã đem văn học, chính sự ra tô điểm cho cảnh trị bình....được quốc gia tin dùng” ./ Nhưng cũng có “những kẻ vì nhận hối lộ mà hư hỏng hoặc rơi vào hàng ngũ bọn gian ác, có lẽ vì lúc sống họ chưa được nhìn tấm bia này” - Từ lí lẽ dẫn chứng đó, tác giả kết luận: “Thế thì việc dựng tấm bia đá này ích lợi rất nhiều: kẻ ác lấy đó mà làm răn, người thiện theo đó mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho nhà nước” - Phương pháp lập luận: Nếu ở đoạn trên tác giả lập luận theo lối diễn dịch thì ở đoạn này lại lập luận theo lối quy nạp - Cách lập luận: + Đoạn văn dùng nhiều câu cảm thán “ôi, kẻ sĩ...” câu nghi vấn “ví thử hỏi đó...này sinh như vậy được” + Cách diễn đạt của tác giả (qua bản dịch) rất đậm tính dân tộc: “Ví thử hỏi đó...thế thì...thánh thần đặt ra đâu phải là vô dụng”.
---	---

- HS còn lại quan sát, hoàn thành phiếu học tập và nhận xét phần nhập vai, diễn xuất của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, khen thưởng, chuẩn kiến thức, kỹ năng.	
--	--

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ.

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và thẻ học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén - Giọng văn thay đổi hết sức linh hoạt phù hợp theo từng nội dung lập luận - Ngôn ngữ, hình tượng phong phú, giàu tính trí tuệ, giàu điển tích, điển cố 2. Nội dung – Ý nghĩa - Ở thời đại nào “hiền tài” cũng là “nguyên khí của quốc gia” → phải biết quý trọng hiền tài. - Hiền tài có mối quan hệ sống còn đối với sự thịnh - suy của đất nước.

GV lưu ý HS cách đọc tác phẩm nghị luận	- Sự đúng đắn trong quan điểm của nhà nước ta: Giáo dục là quốc sách hàng đầu * Yêu cầu khi đọc văn nghị luận: – Tìm hiểu thân thế tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm. – Phát hiện chính xác luận đề và hệ thống luận điểm. – Đánh giá giá trị của hệ thống luận điểm. – Tìm hiểu và đánh giá thái độ, cảm xúc, tình cảm của người viết. – Tìm hiểu và đánh giá sự đặc sắc, độc đáo riêng của người viết.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ :** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: suy nghĩ của bạn về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Dân tộc ta đã trải qua bao nhiêu thăng trầm, đổi mới với bao cuộc xâm lăng của những tên đế quốc sừng sỏ nhưng vẫn mạnh mẽ trường tồn và phát triển. Và hôm nay trong xu thế hội nhập với môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt và khốc liệt, ta vẫn vươn lên đuổi kịp các nước trong khu vực và thế giới. Có được những thành quả to lớn ấy, ta không thể phủ nhận vai

trò vô cùng cấp thiết của việc trọng dụng hiền tài. Việc sử dụng nhân tài là công việc rất hệ trọng, quyết định sự hưng thịnh của một quốc gia. Nếu sử dụng không đúng, không hết tài năng thì dễ nảy sinh tâm lý chán nản; giao cho công việc, trọng trách không phù hợp, không ngang sức, ngang tài, khiến cá nhân không yên tâm công tác, làm việc cầm chừng, thiếu động cơ, thiếu ý chí tiến thủ. Ngược lại, kết quả của giao đúng người, đúng việc là làm cho công việc được thực hiện trôi chảy; khi gặp trở ngại thì chính người được giao đúng việc sẽ tìm tòi các biện pháp để xử lý với những sáng kiến không ngờ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ 1:** Vẽ sơ đồ kiến thức bài học

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ kiến thức bài học

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

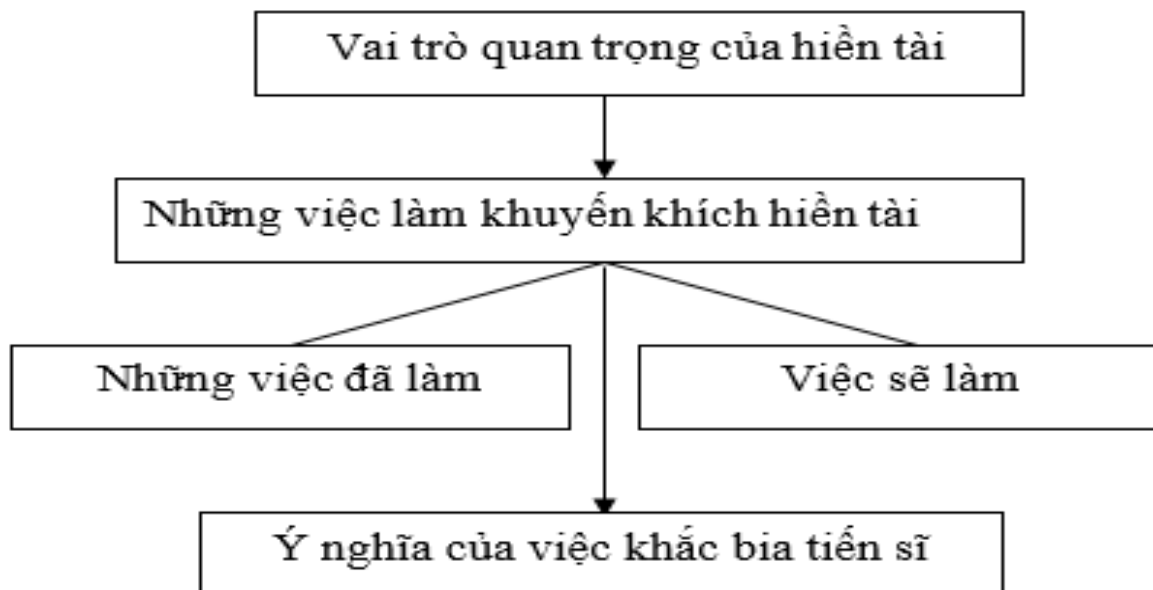
HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:



***Nhiệm vụ 2: Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- Yêu cầu:

Tập sưu tầm tư liệu, thuyết trình về những văn bia tiến sĩ nơi Quốc Tử Giám

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 1 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá hoạt động vận dụng

STT	Tiêu chí	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Sưu tầm đủ số lượng nhưng chưa thật đặc sắc tiêu biểu.		
2	Sưu tầm đủ số lượng khá tiêu biểu nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu		
3	Sưu tầm đủ số lượng, đặc sắc, tiêu biểu, hấp dẫn người đọc.		
4	Thể hiện sản phẩm sinh động, hấp dẫn		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Tìm một vài dẫn chứng lịch sử (qua những gì đã học và tìm hiểu thêm) để làm sáng tỏ nhận định sau đây của tác giả bài văn bia : “Vì vậy, các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên”
- Tìm đọc thêm các tác phẩm nghị luận.

- **Chuẩn bị bài:** Yêu và đồng cảm (trích) – Phong Tử Khải

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu học sinh (HS) sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, Bing...) để: * Tìm hiểu bối cảnh. * Tra cứu thêm: * Tìm kiếm chính sách.	1.1.NC1b. Học sinh nhận ra rằng cần sử dụng công nghệ số để tìm hiểu sâu hơn về bối cảnh lịch sử, tác giả, hoặc các chính sách trọng dụng nhân tài hiện đại.
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu hs lựa chọn các công cụ/phương tiện số như: * Công cụ trình bày (PowerPoint, Google Slides) * Công cụ cộng tác (Google Docs, Padlet)	1.2.NC1b. Học sinh biết cách chọn lọc công cụ số phù hợp để phục vụ hoạt động
3	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu hs sử dụng các môi trường giao tiếp số như: * Diễn đàn/Nhóm học tập trực tuyến (Zalo, Google Classroom, Teams. * Công cụ khảo sát số (Google Forms)	3.2.NC1a. Học sinh sử dụng các nền tảng số để thảo luận, bày tỏ quan điểm riêng về các vấn đề liên quan đến hiện tại là chính sách.

.

Tiết 27,28
VĂN BẢN 2: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM (TRÍCH)
Phong Tử Khải

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

– Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

– Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

Đọc mở rộng

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với mọi người để gắn kết thế giới.
- Học tập, rèn luyện phấn đấu trở thành người sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến vấn đề nghị luận
- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.
- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về bài học

b. Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS xem clip về tình yêu thương

<https://www.youtube.com/watch?v=10KxFcdaK7A>

Em cảm nhận được thông điệp gì từ clip vừa xem?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV cho 3 HS trả lời theo cảm nhận cá nhân
- GV quan sát, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS nêu cảm nhận của cá nhân.
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về phần trình bày của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, khen thưởng HS

➔GV dẫn vào bài:

Sự thật là... chúng ta trốn vì muốn được tìm thấy. Chúng ta bỏ đi vì muốn biết ai sẽ theo mình. Chúng ta khóc để xem ai sẽ lau đi giọt lệ. Và chúng ta để trái tim tan vỡ, muốn thấy ai sẽ đến và chữa lành trái tim ta.

Và ở chiều ngược lại, “Ai cũng có thể vĩ đại... bởi ai cũng có thể phụng sự. Bạn không phải có bằng đại học để phụng sự. Bạn không phải làm chủ ngữ và động từ phù hợp để phụng sự. Bạn chỉ cần một trái tim tràn ngập lòng khoan dung. Một tâm hồn tạo ra bởi yêu thương”. (Martin Luther King Jr).

GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)

K	W	L	H
- Em hiểu thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? - Khi bày tỏ sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, tâm trạng của em như thế nào?	Em muốn biết thêm điều gì về sự đồng cảm?	Điều em đã học được về đồng cảm?	Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về đồng cảm theo cách nào?
.....			
.....			
.....			

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ
- Tìm hiểu chung về tác giả Phong Tử Khải và văn bản: “Yêu và đồng cảm”

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Phong Tử Khải

Tên thật	
Năm sinh	
Quê quán	
Vị trí văn học – nghệ thuật	
Phong cách sáng tác	
Các tác phẩm	

Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Xuất xứ đoạn trích	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Bố cục đoạn trích	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả Phong Tử Khải và bài Tản văn * Tác giả Phong Tử Khải Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tác giả Phong Tử Khải HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV đánh giá phần trình bày của HS Và chuẩn kiến thức	I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản 1. Tác giả Phong Tử Khải Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Phong Tử Khải <table border="1"> <tr> <td>Tên thật</td><td>Phong Tử Khải</td></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>1898-1975</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>Trung Quốc</td></tr> <tr> <td>Vị trí văn học – nghệ thuật</td><td> - Là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc - Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa phương Đông lẫn phương Tây. </td></tr> <tr> <td>Phong cách sáng tác</td><td> - Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật. </td></tr> </table>	Tên thật	Phong Tử Khải	Năm sinh	1898-1975	Quê quán	Trung Quốc	Vị trí văn học – nghệ thuật	- Là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc - Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa phương Đông lẫn phương Tây.	Phong cách sáng tác	- Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật.
Tên thật	Phong Tử Khải										
Năm sinh	1898-1975										
Quê quán	Trung Quốc										
Vị trí văn học – nghệ thuật	- Là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc - Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa phương Đông lẫn phương Tây.										
Phong cách sáng tác	- Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật.										

* Văn bản: Yêu và đồng cảm GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc văn bản Thao tác 1: Đọc Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những chỗ ngắt đoạn, những phần sử dụng phương thức biểu cảm - HS thể hiện được thái độ tha thiết, chân thành, tôn kính đối với những trái tim nhân hậu, tinh tế, nhạy cảm trong giọng đọc Thao tác 2: Tìm hiểu nhanh + HS tìm hiểu chú thích SGK + HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK + GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề văn bản Thao tác 3: Tóm tắt văn bản GV hướng dẫn HS tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn theo các tiêu chí trong bảng kiểm		- Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.
	Các tác phẩm	Một số tác phẩm nổi tiếng của Phong Tử Khải có thể kể đến: <i>Bút ký Duyên Duyên đường, Tập tranh hộ sinh</i> (tên tạm dịch). Ngoài ra, ông còn có sách về tiểu sử danh họa Vincent Van Gogh, bản dịch <i>Truyện Genji</i> (tiểu thuyết đầu tiên của Nhật Bản). Ông cũng chịu trách nhiệm minh họa một số tác phẩm của Lỗ Tấn, trong đó có <i>AQ chính truyện</i> và thực hiện loạt bài giảng về âm nhạc cổ điển phương Tây, tập trung vào các nhà soạn nhạc Nga sau thời Tchaikovsky.

2. Văn bản: Yêu và đồng cảm

a. Đọc và tìm hiểu chú thích

- Thái độ tha thiết, chân thành, tôn kính đối với những trái tim nhân hậu, tinh tế, nhạy cảm
- Chú thích SGK tr.77-80

b. Ý nghĩa nhan đề

“Yêu và đồng cảm”:

Cách mà người nghệ sĩ đối diện với cuộc sống xung quanh mình: “Yêu và đồng cảm” để có thể phát hiện ra những điều kì diệu của vạn vật

c. Tóm tắt văn bản

- **Phần (1):** Lời kể của tác giả về một chú bé xếp đồ giúp mình, về lòng đồng cảm của chú bé với tất cả đồ vật có trong phòng.

- **Phần (2):** Cách lý giải của tác giả về thế giới thông qua góc nhìn riêng đối với sự vật ở những người có nghề nghiệp khác

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đọc văn bản theo yêu cầu. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét cách đọc của HS. GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu Thao tác 4: Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 2: Tìm hiểu chung về đoạn trích <i>Yêu và đồng cảm</i> HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV đánh giá phần trình bày của HS	nhau (nhà khoa học, bác làm vườn, chú thợ mộc, anh họa sĩ, nhà thơ) - Phần (3): Tác giả khẳng định đồng cảm là phẩm chất không thể thiếu của người nghệ sĩ - Phần (4): Biểu hiện của sự đồng cảm không chỉ dành cho đồng loại mà trải khắp sinh vật và phi sinh vật ở mọi nơi, hòa hợp làm một giữa chủ quan con người và thế giới nói chung. - Phần (5): Người sáng tạo nghệ thuật và trẻ em có mối tương đồng, đó chính là: đồng cảm - Phần (6): Thông điệp gửi gắm của tác giả mong muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn vật trong cuộc sống thường ngày => “Yêu và đồng cảm” là đoạn trích thuộc tác phẩm “Sống vốn đơn thuần” của tác giả Phong Tử Khải. Đoạn trích mở đầu bằng lời kể của tác giả về một chú bé xếp đồ giúp mình, về lòng đồng cảm của chú bé với tất cả đồ vật có trong phòng. Văn bản nói về tấm lòng đồng cảm không chỉ của đứa bé hay người họa sĩ mà còn cả sự đồng cảm của mọi nghề nghiệp nhưng lòng đồng cảm và cách nhìn mọi vật của họ không giống nhau. Người nghệ sĩ cũng giống như trẻ em, luôn đồng cảm với mọi sự vật, kể cả những đồ vật từ cái bàn, cái ghế đến bông hoa, cây cỏ,... Văn bản khẳng định quan niệm của tác giả về lòng đồng cảm của người nghệ sĩ và tôn trọng, ngợi ca tấm lòng đồng cảm của trẻ em. d. Tìm hiểu chung văn bản Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản <table border="1"> <tr> <td>Xuất xứ đoạn trích</td><td> - Văn bản “Yêu và đồng cảm” được trích trong tập “Sống vốn đơn thuần” của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là “Sống mà học nghệ thuật”. - “Sống vốn đơn thuần” là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả. </td></tr> </table>	Xuất xứ đoạn trích	- Văn bản “Yêu và đồng cảm” được trích trong tập “Sống vốn đơn thuần” của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là “Sống mà học nghệ thuật”. - “Sống vốn đơn thuần” là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả.
Xuất xứ đoạn trích	- Văn bản “Yêu và đồng cảm” được trích trong tập “Sống vốn đơn thuần” của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là “Sống mà học nghệ thuật”. - “Sống vốn đơn thuần” là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả.		

	Thể loại	Tản văn
	Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận
	Bố cục đoạn trích	4 phần: Phần 1: đoạn 1 + 2: những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm Phần 2: đoạn 3: cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm Phần 3: đoạn 4 + 5: đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ Phần 4: đoạn 6: thông điệp gửi gắm của tác giả mong muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn vật trong cuộc sống thường ngày.

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn nghị luận	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét tính thuyết phục của văn nghị luận	
4	Giúp người nghe như đang được trở về kí ức tuổi thơ, đồng cảm với người viết và kết nối với thế giới	

Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản:
- + Về hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ
- + Về sức mạnh thuyết phục của lập luận
- + Về vẻ đẹp của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật thuyết phục của văn bản nghị luận

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

***Các phiếu học tập:**

Phiếu 3: Tìm hiểu tâm hồn của một em nhỏ

Luận đề: Yêu và đồng cảm



Luận điểm 1: Tâm hồn của một em nhỏ

Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Luận cứ...	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 4: Sự nhạy cảm đặc biệt trong tâm hồn nghệ sĩ

Luận đề: Yêu và đồng cảm



Luận điểm 2: Sự nhạy cảm đặc biệt trong tâm hồn nghệ sĩ

Thao tác lập luận	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 5: Sự tương đồng giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn trẻ nhỏ

Luận đề: Yêu và đồng cảm



Luận điểm 3: Sự tương đồng giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn trẻ nhỏ

Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 6: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Luận đề: Yêu và đồng cảm



Nghệ thuật lập luận					
Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ	Giọng điệu	Sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận	Dẫn chứng	Lí lẽ	Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận
.....					
.....					
.....					

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu văn bản “Yêu và đồng cảm” Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản qua việc hoàn thành các phiếu học tập 3,4,5,6 (hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn).	II. Đọc - hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi) 1. Tâm hồn của một em nhỏ Phiếu 3: Tìm hiểu tâm hồn của một em nhỏ Luận đề: Yêu và đồng cảm  Luận điểm 1: Tâm hồn của một em nhỏ <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 20%;">Thao tác lập luận chính</th><th style="width: 80%;">Chứng minh, bình luận</th></tr> <tr> <td style="vertical-align: top;"> Luận cứ 1 </td><td style="vertical-align: top;"> <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;"> Những hành động của chú bé: + lật lại đồng hồ vì cảm thấy đồng hồ bị úp thì bực bội, + chuyển chén trà đến trước vôi trà vì thấy thương chiếc chén nắp sau lưng mẹ sẽ không được uống sữa, + xếp 2 chiếc giày cùng chiều vì thấy chúng cô </td><td style="width: 50%;"> Phương thức biểu đạt chính: Tự sự </td></tr> </table> </td></tr> </table>	Thao tác lập luận chính	Chứng minh, bình luận	Luận cứ 1	<table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;"> Những hành động của chú bé: + lật lại đồng hồ vì cảm thấy đồng hồ bị úp thì bực bội, + chuyển chén trà đến trước vôi trà vì thấy thương chiếc chén nắp sau lưng mẹ sẽ không được uống sữa, + xếp 2 chiếc giày cùng chiều vì thấy chúng cô </td><td style="width: 50%;"> Phương thức biểu đạt chính: Tự sự </td></tr> </table>	Những hành động của chú bé: + lật lại đồng hồ vì cảm thấy đồng hồ bị úp thì bực bội, + chuyển chén trà đến trước vôi trà vì thấy thương chiếc chén nắp sau lưng mẹ sẽ không được uống sữa, + xếp 2 chiếc giày cùng chiều vì thấy chúng cô	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự
Thao tác lập luận chính	Chứng minh, bình luận						
Luận cứ 1	<table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;"> Những hành động của chú bé: + lật lại đồng hồ vì cảm thấy đồng hồ bị úp thì bực bội, + chuyển chén trà đến trước vôi trà vì thấy thương chiếc chén nắp sau lưng mẹ sẽ không được uống sữa, + xếp 2 chiếc giày cùng chiều vì thấy chúng cô </td><td style="width: 50%;"> Phương thức biểu đạt chính: Tự sự </td></tr> </table>	Những hành động của chú bé: + lật lại đồng hồ vì cảm thấy đồng hồ bị úp thì bực bội, + chuyển chén trà đến trước vôi trà vì thấy thương chiếc chén nắp sau lưng mẹ sẽ không được uống sữa, + xếp 2 chiếc giày cùng chiều vì thấy chúng cô	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự				
Những hành động của chú bé: + lật lại đồng hồ vì cảm thấy đồng hồ bị úp thì bực bội, + chuyển chén trà đến trước vôi trà vì thấy thương chiếc chén nắp sau lưng mẹ sẽ không được uống sữa, + xếp 2 chiếc giày cùng chiều vì thấy chúng cô	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự						



- **Nhóm 1: Tìm hiểu tâm hồn của một em nhỏ**
- **Nhóm 2: Tìm hiểu tâm hồn nhạy cảm đặc biệt của người nghệ sĩ**
- **Nhóm 3: Tìm hiểu sự tương đồng giữa tâm hồn một đứa trẻ**

và tâm hồn nhạy cảm đặc biệt của người nghệ sĩ - Nhóm 4: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận GV phát PHT riêng cho từng nhóm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau. <u>Thao tác 1: Tìm hiểu tâm hồn một đứa trẻ</u> Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung <u>Thao tác 2: Tìm hiểu tâm hồn nhạy cảm đặc biệt của người nghệ sĩ</u> Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung <u>Thao tác 3: Tìm hiểu sự tương đồng giữa tâm hồn một đứa trẻ và tâm hồn nhạy cảm đặc biệt của người nghệ sĩ</u> Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.		đơn không thể nói chuyện cùng nhau, + giấu dây treo tranh vào trong vì thấy nó như con ma	
	Luận cứ 2	Thái độ cảm phục của tác giả với tâm hồn nhạy cảm của chú bé	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm
	Luận cứ 3	Sự thay đổi thái độ của tác giả trong cách nhìn vạn vật	
	Luận cứ 3	Suy luận của tác giả về nguồn gốc cái đẹp trong hội họa: Sự đồng cảm	
	Luận cứ 3	Đánh giá tấm lòng đồng cảm của người thường và của nghệ sĩ	
	Nhận xét lập luận	- Bằng cứ: dùng những căn cứ cụ thể, sinh động, khai thác từ thực tế khiến lí lẽ trở nên đúng đắn và hợp lí - Lí lẽ: Nảy sinh từ những suy luận logic giàu tính thuyết phục - Bằng cứ và lí lẽ song hành cùng nhau tạo sức thuyết phục - Kết hợp hài hòa phương thức tự sự (tạo tính hấp dẫn, tò mò), biểu cảm (tạo sự đồng điệu giữa người viết và người đọc) với phương thức chính là nghị luận - Sự ảnh hưởng của phần 1 với toàn văn bản “Yêu và đồng cảm”: nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc: + Sức hấp dẫn và sự thuyết phục của văn bản sẽ bị giảm đi. + Người đọc sẽ thấy mơ hồ khi bắt đầu đọc từ đoạn (2), dẫn đến việc khó có thể nắm bắt và hiểu được nội dung văn bản.	

Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung Thao tác 4: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm. GV chuẩn hóa kiến thức.	+ Văn bản sẽ không còn mạch lạc, thiếu sự liên kết giữa đoạn mở đầu với những đoạn sau.	
	2. Tâm hồn nhạy cảm đặc biệt của người nghệ sĩ	
	Phiếu 4: Sự nhạy cảm đặc biệt trong tâm hồn nghệ sĩ	
	Luận đề: Yêu và đồng cảm	
	Luận điểm 2: Sự nhạy cảm đặc biệt trong tâm hồn nghệ sĩ	
	Thao tác lập luận	Chứng minh, phân tích, so sánh, bình luận...
	Luận cứ 1	Các biểu hiện khác nhau trong cách nhìn sự vật (gốc cây) những con người thuộc các ngành nghề khác nhau: + Nhà khoa học: tính chất, trạng thái + Bác làm vườn: sức sống + Chú thợ mộc: chất liệu + Họa sĩ: dáng vẻ
	Luận cứ 2	Sự khác biệt trong cách nhìn của họa sĩ so với người thường: Thường để ý khía cạnh hình thức => chú ý đến Mĩ hơn là Chân và Thiện => Thiên về thưởng thức vẻ đẹp hơn là quan tâm đến giá trị thực tiễn
	Luận cứ 3	Đánh giá tấm lòng người nghệ sĩ với vạn vật: + Đồng cảm, nhiệt thành với vạn vật + Tự đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để thấu hiểu tận cùng (hóa thành trẻ thơ,

	làm người ăn mày, là người anh hùng, hóa thân thành thiếu nữ,...) + Tâm hồn đủ khoáng đạt để đồng cảm với tất cả mọi hoàn cảnh, đủ tinh tế để nhận ra linh hồn trong tạo vật, vẻ đẹp khác thường của tạo vật (tiếng chim cuốc, đế mùa thu, hoa đào, bướm bướm khi xuân về) + Người nghệ sĩ cần đích thân trải nghiệm để thấu cảm tạo vật (họa sĩ vẽ rồng ngựa, tùng bách, bình hoa, bình minh,...)
Nhận xét lập luận	- Đi vào những khía cạnh cụ thể để từ đó làm bật lên sự muôn sắc của tâm hồn con người - Thông qua so sánh để khẳng định nét khác biệt trong tâm hồn người nghệ sĩ

3. Sự tương đồng giữa tâm hồn một đứa trẻ và tâm hồn nhạy cảm đặc biệt của người nghệ sĩ

Phiếu 5: Sự tương đồng giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn trẻ nhỏ

Luận đề: Yêu và đồng cảm	
	
Luận điểm 3: Sự tương đồng giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn trẻ nhỏ	
Thao tác lập luận chính	Phân tích, chứng minh, bình luận
Luận cứ 1	Khả năng đồng cảm bẩm sinh của con người:

		+ Bộc lộ trong những điều bình thường của cuộc sống (cách bày biện nhà cửa, sắp xếp đồ đạc,...) + Năng lực mỗi người cao thấp không giống nhau
	Luận cứ 2	Năng lực đồng cảm đặc biệt ở trẻ nhỏ: + Đồng cảm với hết thấy sự vật (đồng cảm với con người, đồng cảm với cỏ cây, muông thú, búp bê...) + Đồng cảm với vạn vật một cách tự nhiên + Phát hiện ra những điều mà người lớn không thấy ⇒ Kết luận tâm hồn trẻ thơ là nghệ sĩ
	Luận cứ 3	Lí giải bản chất của người nghệ sĩ: + Mọi người bẩm sinh đều có lòng đồng cảm + Cuộc sống làm hao mòn tâm lòng đó + Những người giữ được tâm lòng đồng cảm bằng bản lĩnh chính là nghệ sĩ
	Luận cứ 4	Mối quan hệ giữa nghệ sĩ, tố chất nghệ sĩ trong mỗi người với trẻ nhỏ: - Người nghệ sĩ khi thăng hoa sẽ thành trẻ nhỏ - Con người chúng ta khi bồi dưỡng tình yêu nghệ thuật cũng có thể trở về tuổi thơ
	Nhận xét lập luận	Lí lẽ và dẫn chứng đầy sức thuyết phục giúp người đọc có niềm tin vào năng lực

nghệ thuật bản thân, đặc biệt
thôi thúc người đọc trau dồi
, bồi dưỡng nghệ thuật

4. Nghệ thuật lập luận

Phiếu 6: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Phiếu 6: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Luận đề: Yêu và đồng cảm

Nghệ thuật lập luận

Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ	Giọng điệu	Sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận	Dẫn chứng	Lí lẽ	Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận
- Từ ngữ giản dị, chân thật tự nhiên đôi khi có đan xen một số từ ngữ mang tính chuyên môn nhưng vẫn rất gần	Lúc nhẹ nhàng tình cảm, lúc mạnh mẽ cao trào, khi thông thả phân tích, khi mạnh mẽ	- Phương thức biểu đạt chính là nghị luận nhưng thường xuyên đan xen biểu cảm và tự sự -Thao tác lập luận chính là	Dẫn chứng phong phú được khai thác trên nhiều phương diện cuộc sống Dẫn chứng sinh động, được	Suy luận logic, chặt chẽ	- Lập luận sắc bén, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục, tạo được lòng tin, khơi dậy khao khát sống

	gũi, dễ hiểu. -Hình ảnh phong phú, rất hiện thực, hiện hữu ngay trong cuộc sống đời thường, không hề có sự tô vẽ - Các biện pháp tu từ rất phong phú: điệp, đối, so sánh, đòn bẩy,...	khắc sâu	bình luận, chứng minh, phân tích nhưng kết hợp hài hòa, khéo léo các thao tác lập luận khác tạo sức thuyết phục cao cho văn bản	khai thác từ thực tế đời sống		đẹp ở mỗi người - Giữa các phần được đánh số trong văn bản đã có sự liên kết chặt chẽ với nhau ở cả nội dung lẫn hình thức: - Về nội dung: Nội dung của các phần đều có sự liên kết với nhau, nội dung đoạn sau có sự liên hệ với nội dung, vấn đề
--	--	-------------	---	---	--	---

						của đoạn trước (như ở đoạn (1) nhắc đến cách nhìn đồ vật của chú bé khi xếp đồ giúp tác giả thì nói tiếp đó đoạn (2) nhắc đến cái nhìn mọi vật của người nghệ sĩ, có sự liên hệ với chú bé ở đoạn (1).) - Về hình thức: Giữa các phần được đánh số
--	--	--	--	--	--	--

						đã có sự liên kết với nhau, được nối với nhau bởi các phép liên kết như đoạn (2) được liên kết với đoạn (3) bằng phép lặp những từ “họa sĩ”, “tắm lòng”,...

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		

5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		
---	--	--	--

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS hoàn thành thẻ học tập - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung - Văn bản cho thấy lòng đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống của con người và tác động đến cả vạn vật xung quanh - Tác giả khẳng định giá trị và ý nghĩa của lòng đồng cảm đối với con người, giúp cuộc sống nhiều cảm xúc và con người có thể gần gũi, gắn kết nhau hơn - Lòng đồng cảm không chỉ giữa con người với nhau mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật - Càng tự nhiên, thuần khiết, chúng ta càng giàu lòng đồng cảm với người khác hơn, ví dụ như trẻ thơ, họa sĩ, là những đối tượng dễ đồng cảm với vạn vật - Văn bản có sức truyền cảm mạnh mẽ tới độc giả, thúc đẩy mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông với người khác. 2. Giá trị nghệ thuật - Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu - Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic - Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

***Nhiệm vụ :** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: **Sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới.**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: Sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Một bông hoa nhỏ đã đẹp bằng cách nào? Phải chăng nó đẹp bởi những chiếc lá đã phải già nua, bởi cây đã phải hứng chịu bao sương gió, bởi cành lá đã phải chống chọi với cả bầy lũ sâu bọ...? Khi đồng cảm với hoa, chúng ta không chỉ mê thích trước vẻ đẹp mà còn ngưỡng mộ trước sức sống mãnh liệt của cái đẹp. Nếu chỉ thấy hoa rực rỡ mà chưa thấy cả một hành trình sinh tồn khắc nghiệt và gian khó thì chưa thể thấy được hết vẻ đẹp diệu kì của hoa. Mọi sự sống trên dương gian đều mong nhận được sự đồng cảm. Đồng cảm bắt nguồn từ cảm xúc yêu thương người khác, từ thái độ quan tâm sâu sắc đối với mọi người xung quanh. Đồng cảm khiến người ta biết lắng nghe, biết nhập tâm rồi tự đặt mình vào hoàn cảnh của người khác, nhờ đó thấu hiểu đối phương một cách chân thành sâu sắc nhất. Có lẽ vậy mà đồng cảm giúp kết nối con người với con người, là chất keo tuyệt vời tạo nên vẻ đẹp gắn kết thế giới.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ kiến thức bài học**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ kiến thức bài học

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:

Yêu và đồng cảm



Câu chuyện về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc trong phòng.



Cái nhìn của người họa sĩ với mọi vật.



Nhân cách vĩ đại của người nghệ sĩ.



Tấm lòng đồng cảm với vạn vật của người họa sĩ.



Lòng đồng cảm của trẻ em, chất nghệ sĩ trong mỗi con người.



Giá trị của tuổi thơ.

***Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu sự tương đồng giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn trẻ thơ. Từ đó lí giải vì sao Xuân Diệu khuyên chúng ta “Hãy nhìn đời bằng con mắt xanh non”?

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:

1. Những điểm tương đồng giữa trẻ em và người nghệ sĩ:

- Đều có tấm lòng đồng cảm, đồng cảm với mọi thứ từ con người, động vật đến thực vật.
- Đều có tâm hồn trong sáng, ngây thơ, nhìn mọi vật với vẻ đẹp được nhân cách hóa, được lí tưởng hóa.
- Cơ sở hình thành sự khâm phục, trân trọng trẻ em của tác giả:
 - + Tâm hồn trẻ em luôn trong sáng, ngây thơ, cảm nhận mọi vật qua thế giới nội tâm.
 - + Trẻ em đều giàu lòng đồng cảm, đồng cảm với tất cả mọi vật một cách chân thành nhất.
 - + Trẻ nhỏ luôn đặt tình cảm vào mọi hành vi của chúng, có một tuổi thơ hạnh phúc, sống không lo nghĩ.

2. Lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị chúng ta “Hãy nhìn đời bằng con mắt xanh non”:

- “Đôi mắt xanh non” là chỉ đôi mắt của trẻ con, nhìn đời một cách ngây thơ, hồn nhiên nhất để cảm nhận thế giới trong một màu hồng tươi đẹp.

- Nhìn đời bằng đôi mắt của trẻ nhỏ sẽ giúp ta cảm nhận cuộc sống dưới một góc độ tươi đẹp hơn, không có sự mệt mỏi và chỉ tràn đầy niềm vui, hạnh phúc.

- Nhà thơ muốn quay trở lại tuổi thơ, trở lại hình hài của một đứa trẻ để cảm nhận được tình yêu, niềm hạnh phúc khi được vui chơi mà không cần lo nghĩ việc đời.

***Nhiệm vụ 3: Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- Yêu cầu:

Tập sưu tầm tư liệu, thuyết trình về những tấm lòng đồng cảm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

- Thời gian: 1 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.

- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá hoạt động vận dụng

STT	Tiêu chí	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Sưu tầm đủ số lượng nhưng chưa thật đặc sắc tiêu biểu.		
2	Sưu tầm đủ số lượng khá tiêu biểu nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu		
3	Sưu tầm đủ số lượng, đặc sắc, tiêu biểu, hấp dẫn người đọc.		
4	Thể hiện sản phẩm sinh động, hấp dẫn		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Tìm đọc thêm các tác phẩm nghị luận, tản văn của Phong Tử Khải và các bài nghị luận khác có độ dài tương đương, cùng chủ đề.

- **Chuẩn bị bài:** Chữ bầu lên nhà thơ (trích) – Lê Đạt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết 30 VĂN BẢN 3: CHỮ BÀU LÊN NHÀ THƠ (TRÍCH) Lê Đạt

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

Đọc mở rộng

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Có thái độ quý trọng nhà thơ – người làm nghệ thuật

- Trân trọng, luôn nỗ lực để vươn tới sự công phu và sáng tạo trong mọi lĩnh vực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến các vấn đề nghị luận

- Máy chiếu, máy tính, video clip liên quan đến bài học.

- Bảng KWLH, hệ thống câu hỏi định hướng, phiếu học tập, bảng kiểm...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về văn nghị luận

b. Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi thả thơ

- GV hướng dẫn HS nghe nghệ sĩ ngâm khổ 1 “Tràng giang” (Huy Cận), khuyết các âm tiết: (1) *gợn*, (2) *điệp điệp*, (3) *song song*, (4) *lại*, (5) *ngả*, (6) *mấy* và (7) *một*

<https://www.youtube.com/watch?v=rf7vtL9Zfp4>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 3 đội chơi

- Tương ứng với những vị trí âm tiết bị khuyết, đồng thời mỗi đội cử 1 thành viên lên để thả từ đúng vào từng chỗ trống
- GV quan sát, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS thảo luận chọn từ đúng nhất, hay nhất theo bảng hướng dẫn của GV
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về từ bị khuyết

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, cho điểm dựa vào các tiêu chí:

Mức chọn từ	Đội đạt yêu cầu						
	Từ (1)	Từ (2)	Từ (3)	Từ (4)	Từ (5)	Từ (6)	Từ (7)
Chọn từ không đúng, sai lệch hoàn toàn ý nhà thơ							
Chọn từ đúng ý tưởng nhà thơ nhưng chưa hay							
Chọn từ hay, khá thuyết phục nhưng không trùng khớp với từ nhà thơ sử dụng							
Chọn từ trùng khớp với nhà thơ							

➔**GV dẫn vào bài:** “Một câu **thơ** hay là một câu **thơ** có **sức gọi**” (Lưu Trọng Lư), bởi từ đó có thể **gọi** ra trong tâm trí người đọc vô vàn màu sắc, hình ảnh, âm thanh và hình tượng mang những chiều sâu chưa nói hết, thôi thúc họ phải tìm hiểu, ngẫm nghĩ, hòa mình vào con chữ để thấm nhuần ý tứ và cảm thụ trọn vẹn giá trị **ngôn từ** trong tác phẩm. Để làm được điều đó, theo Maiacopxki thì nhà thơ phải trả với cái giá cắt cổ, vì:

Phải phí tổn ngàn cân quặng chữ

Mới thu về một chữ mà thôi

Những chữ ấy làm cho rung động

Triệu trái tim trong hàng triệu năm dài.

GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)

K	W	L	H
Trong hình dung của em, nhà thơ phải là người thế nào? Em có công nhận việc làm thơ gắn liền với những phút cao hứng, “bốc đồng” không?	Em muốn biết thêm điều gì về vai trò của ngôn từ đối với thơ ca nói riêng và trong giao tiếp nói chung?	Em nhớ hoặc thích định nghĩa nào về thơ, nhà thơ hay công việc làm thơ?	Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về vai trò của ngôn từ với thơ ca như thế nào?
.....			
.....			
.....			

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ
- Tìm hiểu chung về tác giả Lê Đạt và văn bản: “Chữ bầu lên nhà thơ”

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Lê Đạt

Tên thật	
Năm sinh	
Quê quán	
Vị trí văn học – nghệ thuật	
Phong cách sáng tác	
Các tác phẩm	

Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Xuất xứ đoạn trích	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Bố cục đoạn trích	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm												
GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả Lê Đạt và văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” * Tác giả Lê Đạt Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tác giả Lê Đạt HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV đánh giá phần trình bày của HS và chuẩn kiến thức * Văn bản: “Chữ bầu lên nhà thơ”	I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản 1. Tác giả Lê Đạt Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Lê Đạt <table border="1"> <tr> <td>Tên thật</td><td>Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt</td></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td><u>10 tháng 9</u> năm <u>1929</u> - <u>21 tháng 4</u> năm <u>2008</u></td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>Bắc Giang</td></tr> <tr> <td>Vị trí văn học – nghệ thuật</td><td>Năm 2006, Lê Đạt được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật</td></tr> <tr> <td>Phong cách sáng tác</td><td>Về thơ, Lê Đạt luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa, tự nhận mình là “phu chữ”, vì thơ ông viết rất kỹ tính, cẩn thận từng câu chữ, chọn lọc, suy nghĩ và dằn vặt rất nhiều.</td></tr> <tr> <td>Các tác phẩm</td><td> - <i>Bóng chữ</i> (thơ, <u>1994</u>), 95 bài thơ - <i>Hèn đại nhân</i> (tập truyện, <u>1994</u>) - <i>Ngó lời</i> (thơ, <u>1997</u>), 241 bài thơ - <i>Mi là người bình thường</i> (tập truyện, <u>2007</u>) - <i>U75 từ tình</i> (thơ và đoản ngôn, <u>2007</u>), 88 bài </td></tr> </table>	Tên thật	Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt	Năm sinh	<u>10 tháng 9</u> năm <u>1929</u> - <u>21 tháng 4</u> năm <u>2008</u>	Quê quán	Bắc Giang	Vị trí văn học – nghệ thuật	Năm 2006, Lê Đạt được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật	Phong cách sáng tác	Về thơ, Lê Đạt luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa, tự nhận mình là “ phu chữ ”, vì thơ ông viết rất kỹ tính, cẩn thận từng câu chữ, chọn lọc, suy nghĩ và dằn vặt rất nhiều.	Các tác phẩm	- <i>Bóng chữ</i> (thơ, <u>1994</u>), 95 bài thơ - <i>Hèn đại nhân</i> (tập truyện, <u>1994</u>) - <i>Ngó lời</i> (thơ, <u>1997</u>), 241 bài thơ - <i>Mi là người bình thường</i> (tập truyện, <u>2007</u>) - <i>U75 từ tình</i> (thơ và đoản ngôn, <u>2007</u>), 88 bài
Tên thật	Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt												
Năm sinh	<u>10 tháng 9</u> năm <u>1929</u> - <u>21 tháng 4</u> năm <u>2008</u>												
Quê quán	Bắc Giang												
Vị trí văn học – nghệ thuật	Năm 2006, Lê Đạt được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật												
Phong cách sáng tác	Về thơ, Lê Đạt luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa, tự nhận mình là “ phu chữ ”, vì thơ ông viết rất kỹ tính, cẩn thận từng câu chữ, chọn lọc, suy nghĩ và dằn vặt rất nhiều.												
Các tác phẩm	- <i>Bóng chữ</i> (thơ, <u>1994</u>), 95 bài thơ - <i>Hèn đại nhân</i> (tập truyện, <u>1994</u>) - <i>Ngó lời</i> (thơ, <u>1997</u>), 241 bài thơ - <i>Mi là người bình thường</i> (tập truyện, <u>2007</u>) - <i>U75 từ tình</i> (thơ và đoản ngôn, <u>2007</u>), 88 bài												

GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc văn bản Thao tác 1: Đọc Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những chỗ ngắt đoạn, những phần sử dụng phương thức biểu cảm Thao tác 2: Tìm hiểu nhanh + HS tìm hiểu chú thích SGK + HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK + GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề văn bản Thao tác 3: Tóm tắt văn bản GV hướng dẫn HS tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn theo các tiêu chí trong bảng kiểm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đọc văn bản theo yêu cầu. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét cách đọc của HS. GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu	2. Văn bản: “Chữ bầu lên nhà thơ” a. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc văn bản - Chú thích SGK tr.82-84 b. Ý nghĩa nhan đề – “Chữ”: không chỉ hiểu đơn giản là vỏ âm thanh mà quan trọng đó chính là ngôn ngữ được sử dụng, tổ chức một cách nghệ thuật. – “Chữ bầu lên nhà thơ”: là khẳng định vai trò của ngôn ngữ đối với nhà thơ. Ngôn ngữ góp phần: chuyên chở điệu hồn thi nhân; khẳng định tài năng, phong cách của người nghệ sĩ; tôn vinh vị thế nhà thơ. – Ngôn ngữ là chất liệu, yếu tố đầu tiên của văn học. Ngôn ngữ thơ là tinh hoa tối cao của ngôn ngữ, là kiến trúc ngôn từ đặc biệt. – Bản chất của thơ là trữ tình. Tiếng lòng của nhà thơ chỉ có thể được vang lên, được hữu hình hóa thành câu chữ, âm thanh, nhịp điệu. =>Lao động thơ thực chất là lao động chữ nghĩa, đòi hỏi tài năng, sự sáng tạo và tâm huyết của nhà thơ. c. Tóm tắt văn bản Văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” bày tỏ quan niệm về nhà thơ, về quá trình làm thơ của tác giả Lê Đạt. Theo tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo “ý tại ngôn ngoại”. Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phút bất chợt, những cảm hứng ngẫu nhiên hoặc phải làm việc chăm chỉ
---	---

Thao tác 4: Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS hoàn thành phiếu học tập + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV đánh giá phần trình bày của HS	trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ. d. Tìm hiểu chung văn bản Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản <table border="1"> <tr> <td>Xuất xứ đoạn trích</td><td>- Trích từ “Đối thoại với đời và thơ”, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr. 86 - 88. - “Chữ bầu lên nhà thơ” được in lần đầu trên báo <i>Văn nghệ</i>, số 34, năm 1994.</td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td>Tiểu luận phê bình văn học</td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td><td>Nghị luận</td></tr> <tr> <td>Bố cục đoạn trích</td><td>3 phần: Phần 1: Giới thiệu những nội dung trong Hội thảo Văn Miếu và trong tập “Bóng chữ”, từ đó dẫn vào vai trò của chữ với thơ ca Phần 2: Tác giả thể hiện quan điểm của mình về 2 kiểu nhà thơ: kiểu nhà thơ thiên phú có vốn trời cho và kiểu nhà thơ lao động miệt mài Phần 3: Khẳng định mỗi nhà thơ có một phong cách riêng nhưng đều phải lao động công phu để đóng góp cho tiếng mẹ đẻ</td></tr> </table>	Xuất xứ đoạn trích	- Trích từ “Đối thoại với đời và thơ”, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr. 86 - 88. - “Chữ bầu lên nhà thơ” được in lần đầu trên báo <i>Văn nghệ</i> , số 34, năm 1994.	Thể loại	Tiểu luận phê bình văn học	Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận	Bố cục đoạn trích	3 phần: Phần 1: Giới thiệu những nội dung trong Hội thảo Văn Miếu và trong tập “Bóng chữ”, từ đó dẫn vào vai trò của chữ với thơ ca Phần 2: Tác giả thể hiện quan điểm của mình về 2 kiểu nhà thơ: kiểu nhà thơ thiên phú có vốn trời cho và kiểu nhà thơ lao động miệt mài Phần 3: Khẳng định mỗi nhà thơ có một phong cách riêng nhưng đều phải lao động công phu để đóng góp cho tiếng mẹ đẻ
Xuất xứ đoạn trích	- Trích từ “Đối thoại với đời và thơ”, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr. 86 - 88. - “Chữ bầu lên nhà thơ” được in lần đầu trên báo <i>Văn nghệ</i> , số 34, năm 1994.								
Thể loại	Tiểu luận phê bình văn học								
Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận								
Bố cục đoạn trích	3 phần: Phần 1: Giới thiệu những nội dung trong Hội thảo Văn Miếu và trong tập “Bóng chữ”, từ đó dẫn vào vai trò của chữ với thơ ca Phần 2: Tác giả thể hiện quan điểm của mình về 2 kiểu nhà thơ: kiểu nhà thơ thiên phú có vốn trời cho và kiểu nhà thơ lao động miệt mài Phần 3: Khẳng định mỗi nhà thơ có một phong cách riêng nhưng đều phải lao động công phu để đóng góp cho tiếng mẹ đẻ								

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn nghị luận	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét tính thuyết phục của văn nghị luận	
4	Giúp người nghe hiểu sự công phu trong lao động nghệ thuật của nhà thơ	

Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.
- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản:

Nội dung:

- + Bàn về vai trò của chữ trong thơ: “Chữ bầu lên nhà thơ”, tạo nên phong cách riêng, tạo nên số phận cho nhà thơ
- + Yêu cầu với người làm thơ: luôn phải miệt mài dụng tâm lao động chữ

Nghệ thuật:

- Ngôn từ chất lọc, được lựa chọn kĩ càng, có sức thuyết phục cao
- Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic
- Văn phong tự nhiên, ngắn gọn, cô đúc, dễ tiếp nhận

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật thuyết phục của văn bản nghị luận

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

*Các phiếu học tập:

Phiếu 3: Tìm hiểu Phần giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ



Luận điểm 1: Giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Luận cứ...	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 4: Tìm hiểu quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú và nhà thơ công phu

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ



Luận điểm 2: Quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú

và nhà thơ công phu	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 5: Tìm hiểu đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ
--



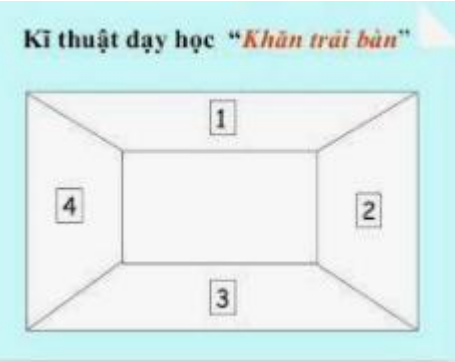
Luận điểm 3: Đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Nhận xét lập luận	

Phiếu 6: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ
--



Nghệ thuật lập luận					
Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ	Giọng điệu	Sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận	Dẫn chứng	Lí lẽ	Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản qua việc hoàn thành các phiếu học tập 3,4,5,6 (hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn) hoặc hình thức phỏng vấn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Cách 1: GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: Hoàn thành Phiếu học tập 3, 4, 5, 6 theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  - Nhóm 1: Tìm hiểu Phần giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ - Nhóm 2: Tìm hiểu quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú và nhà thơ công phu - Nhóm 3: Tìm hiểu đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc - Nhóm 4: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận GV phát PHT riêng cho từng nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. Cách 2: Gv tổ chức buổi phỏng vấn nhà thơ Lê Đạt Chuyên mục: Bàn chuyện thơ: Hiểu thêm về dụng chữ trong thơ	II. Đọc - hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi) 1. Giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ - phiếu trả lời dự kiến 3 – bảng bên dưới 2. Quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú và nhà thơ công phu - phiếu trả lời dự kiến 4 -bảng bên dưới 3. Đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc - phiếu trả lời dự kiến 5 – bảng bên dưới 4. Nghệ thuật lập luận - phiếu trả lời dự kiến 6–bảng bên dưới

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Cách 1:

Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

Thao tác 1: Tìm hiểu Phần giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ

Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung

Thao tác 2: Tìm hiểu quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú và nhà thơ công phu

Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung

Thao tác 3: Tìm hiểu đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc

Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung

Thao tác 4: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung

GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Cách 2:

Gv tư vấn thiết kế bộ câu hỏi phỏng vấn

Lê Đạt sẽ do 3 HS đại diện của 3 nhóm đóng vai, sau mỗi đoạn phỏng vấn chương trình dừng lại bằng trò chơi hoặc âm nhạc

Bộ câu hỏi phỏng vấn:

Phần 1:

- Thừa nhà thơ Lê Đạt, ông có nhầm không khi viết “ý tại ngôn tại”?
- Ông có thể giải thích cho chúng tôi hiểu về những cụm từ “nghĩa tiêu dùng”, “nghĩa tự vị”, “hình thức” và “hóa trị” của con chữ?

- Mục đích lập luận của ông khi đưa ra những phát biểu tại cuộc Hội thảo Văn Miếu và trong tập “Bóng chữ”? - Tại sao nói về vai trò của chữ trong thơ mà ông lại luôn đề cập đến việc dùng chữ trong văn? <u>Phần 2:</u> - Theo ông, trong làm thơ thì có những kiểu nhà thơ nào? Đặc điểm từng kiểu nhà thơ? - Trong bài viết, ông cho rằng không có chức nhà thơ suốt đời, vậy lúc nào nhà thơ không còn là nhà thơ nữa? - Quan điểm của ông trước những kiểu nhà thơ đó? - Tại sao ông lại ưa kiểu nhà thơ công phu? <u>Đoạn 3:</u> - Lao động chữ có ý nghĩa như thế nào với số phận nhà thơ? - Một nhà thơ chân chính thì cần làm những gì? Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm. GV chuẩn hóa kiến thức.	
--	--

Phiếu trả lời dự kiến 3: Tìm hiểu Phần giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ



Luận điểm 1: Giới thiệu vai trò của chữ trong làm thơ		
Thao tác lập luận chính	Chứng minh, bình luận	
Luận cứ 1	- Những phát biểu tại cuộc Hội thảo Văn Miếu và trong tập “Bóng chữ”: + dùng chữ trong văn xuôi (ngôn ngữ trong văn chương không giống với ngôn ngữ thơ. “Ý tại ngôn tại” là ý trên mặt chữ, đọc chữ có thể hiểu luôn ý nghĩa câu văn) + dùng chữ trong thơ (câu chữ trong thơ thì không thể hiểu nghĩa mặt chữ mà cần phải hiểu nghĩa ẩn sâu bên trong của nó)	Chứng minh bằng những nhận định đã phát biểu từ trước

	+ chữ có vai trò bậc nhất trong thơ (quan trọng hơn ý) + cách dùng chữ trong thơ (Nhà thơ làm chữ chủ yếu ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ) + “Nghĩa tiêu dùng” là nghĩa hay dùng hàng ngày khi giải nghĩa các từ; “nghĩa tự vị” là nghĩa trong từ điển. => Hai cụm từ này đều cùng diễn đạt một nghĩa, ý nói khi nghĩa các từ thường được lấy ở từ điển, dùng nghĩa mà người ta biết.	
Luận cứ 2	- Khẳng định sự giống và khác trong dùng chữ giữa thơ và văn xuôi: - Giống: hình thức - Khác: hóa trị (khả năng gợi liên tưởng và kết nối của chữ)	So sánh để làm bật lên cái lạ, cái độc đáo của thơ so với văn xuôi
Nhận xét lập luận	Tác giả trích lại những nhận định đã phát biểu từ trước để làm căn cứ chắc chắn cho phần đánh giá so sánh giữa chữ trong thơ và chữ trong văn xuôi => Cách viết rất sắc bén, dẫn chứng được chọn lọc để phục vụ đắc lực cho việc đưa lí lẽ	

Phiếu trả lời dự kiến 4: Tìm hiểu quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú và nhà thơ công phu

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ	
↓	
Luận điểm 2: Quan điểm của Lê Đạt trước hai kiểu nhà thơ: Nhà thơ thiên phú và nhà thơ công phu	
Thao tác lập luận chính	Bình luận, phân tích, chứng minh
Luận cứ 1	- Công phu dùng chữ của người viết tiểu thuyết: + DC 1: Tôn-xtôi chữa đi chữa lại “Chiến tranh và hòa bình” + DC 2: Phlô-be dùng chữ như thầy lang bốc thuốc (sử dụng phép so sánh để lập luận)

	=> Cho thấy tầm quan trọng của dùng chữ với văn, dù văn “ý tại ngôn tại” => Càng các nhà văn lớn và có tài năng lại càng công phu chữ nghĩa
Luận cứ 2	Dùng chữ trong thơ: - Nhà thơ thiên phú: + được thiên hạ sính ca tụng + cơn bốc đồng thường ngắn + làm thơ không phải đánh quả, không thể trúng độc đắc suốt đời + nhà thơ chín sớm lại tàn sớm đều là những người sống bằng vốn trời cho nên tất nhiên bị lệ thuộc và bấp bênh ⇒ Là kiểu nhà thơ khi làm thơ không cần cố gắng, thơ của họ gắn với những cảm xúc bốc đồng, bột phát ⇒ Thơ của họ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt, xa lạ với lao động làm lụi và nỗ lực trau dồi học vấn • Quan điểm của Lê Đạt: + lên án những người hiểu nhầm câu nói của Trang Tử mà coi thường việc nỗ lực luyện rèn + rất ghét, không mê kiểu nhà thơ thần đồng, nhà thơ sống bằng vốn trời cho - Nhà thơ công phu: + những câu thơ kì ngộ là kết quả của một thành tâm kiên trì, một đa mang đăm đuổi + một nắng hai sương, làm lụi trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ + tuổi nhà thơ do nỗ lực của chữ DC về các nhà thơ: Lý Bạch, Xa-a-đi, Gót, Ta-go DC danh ngôn: Pi-cát-xô + mỗi lần làm thơ là một lần bầu cử con chữ DC 1: nhận định của Ét-mông Gia-bét (Chữ bầu lên nhà thơ) DC 2: Vích-to Huy-gô cũng có lần không vượt qua cuộc bầu cử khắc nghiệt của con chữ và khi đó cũng không được xem là nhà thơ • Quan điểm của Lê Đạt về kiểu nhà thơ công phu: + rất biết + ưa + cần học

	+ ủng hộ ⇒ Mỗi lí lẽ đưa ra đều được phân tích từng góc độ (xu hướng đám đông; thái độ, cảm xúc cá nhân; thời gian tồn tại; sự trả giá khi dùng chữ,...) ⇒ Dùng các từ ngữ thể hiện rõ ràng thái độ ⇒ Khi nói đến nhà thơ công phu, ông đưa dẫn chứng người thực, việc thực; khi nói đến nhà thơ thiên phú ông chủ yếu lập luận bằng lí lẽ
Nhận xét lập luận	- Bằng cứ xác thực, lí lẽ chặt chẽ, thuyết phục, bằng cứ đi liền lí lẽ - Quan điểm đưa ra rõ ràng, lập trường vững chắc, có chính kiến - Thường sử dụng phương pháp đòn bẩy, ý trọng tâm để phía sau - Trong lập luận, lúc trọng lí lẽ, lúc trọng bằng cứ tùy theo mục đích lập luận ⇒ Thể hiện tâm huyết của lê Đạt: Ông hiểu rằng lao động thơ ca là lao động vất vả, từ đó khuyên các nhà thơ hãy dụng công câu chữ khi làm thơ

Phiếu trả lời dự kiến 5: Tìm hiểu đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ

Luận điểm 3: Đánh giá của tác giả về công phu dụng chữ của nhà thơ trong hình thành phong cách riêng và đóng góp cho ngôn ngữ dân tộc	
Thao tác lập luận chính	Bình luận
Luận cứ 1	- Khẳng định mỗi nhà thơ có con đường riêng có phong cách riêng - Khẳng định phong cách riêng sẽ quyết định số phận nhà thơ
Luận cứ 2	- Khẳng định việc lao động chữ nghĩa sẽ tạo nên phong cách nhà thơ, và kể cả khi nhà thơ đã định hình phong cách thì vẫn cần tận tụy mài mài lao động chữ - Khẳng định giá trị của lao động chữ nghĩa: + biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản bậc nhất + làm phong phú cho tiếng mẹ
Nhận xét lập luận	- Những lí lẽ chắc chắn, sắc sảo làm bật lên luận điểm chính

	- Ý sau được suy luận từ ý trước, các ý liên kết chặt chẽ, giàu tính thuyết phục
--	--

Phiếu trả lời dự kiến 6: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Luận đề: Vai trò của ngôn ngữ đối với thơ
--



Nghệ thuật lập luận					
Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ	Giọng điệu	Sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận	Dẫn chứng	Lí lẽ	Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận
- Từ ngữ chất lọc, được lựa chọn kĩ càng, ngắn gọn mà tác động sâu xa - Hình ảnh chủ yếu khơi gợi từ thế giới văn học nghệ thuật, cũng có khi là hình ảnh so sánh mang tính liên tưởng cao - Các biện pháp tu từ rất phong phú: điệp, đối, so sánh, đòn bẩy,...	Giọng điệu lập luận lúc dứt khoát, kiên quyết thể hiện thái độ không đồng tình, lúc hào sảng, mạnh mẽ khi ngợi ca, ủng hộ => Khơi được sự đồng tình của người đọc	- Phương thức biểu đạt chính là nghị luận có đan xen biểu cảm để thể hiện quan điểm, chính kiến sắc nét và rõ ràng - Kết hợp khéo léo hài hòa các thao tác lập luận, đặc biệt thường xuyên sử dụng bình luận, chứng minh, phân tích nhưng mức độ phân bổ các thao tác là khác nhau tùy thuộc vào mục đích lập luận mỗi đoạn tạo sức thuyết phục cao cho văn bản	Dẫn chứng được khai thác chủ yếu từ thế giới văn học nghệ thuật nhưng lại hết sức phong phú vì khai thác trên nhiều chiều (không gian - thời gian, thơ - văn, tác phẩm - danh ngôn, tác phẩm - người sáng tác,...)	Suy luận logic, chặt chẽ, ý trước gọi ý sau	Lập luận sắc bén, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục, người đọc tin và đồng tình với quan điểm, thái độ của tác giả - Trong lập luận, lúc dùng sức mạnh của lí lẽ, lúc dùng sức công phá của bằng cứ đánh vào tâm lí của người nghe, người đọc

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS hoàn thành thẻ học tập - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức. GV lưu ý HS cách đọc tác phẩm nghị luận	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung - Bàn về vai trò của chữ trong thơ: “Chữ bầu lên nhà thơ”, tạo nên phong cách riêng, tạo nên số phận cho nhà thơ - Yêu cầu với người làm thơ: luôn phải miệt mài dụng tâm lao động chữ 2. Giá trị nghệ thuật - Ngôn từ chất lọc, được lựa chọn kĩ càng, có sức thuyết phục cao - Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic - Văn phong tự nhiên, ngắn gọn, cô đúc, dễ tiếp nhận

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu..

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

***Nhiệm vụ :** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ về ý kiến của nhà thơ Lê Đạt: *“Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ”*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: nêu suy nghĩ về ý kiến của nhà thơ Lê Đạt: “Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ”	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Tác giả Lê Đạt đã đưa ra nhận định hay và thú vị **“Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ”**. Ngôn ngữ trong thơ được kết tinh từ đời sống. Điều kì diệu của ngôn ngữ thơ ca là có thể làm được tất cả: xây dựng hình tượng với những gam màu hội họa, âm thanh của âm nhạc và đường nét của chạm khắc. Sự đa dạng phong phú và sức biểu cảm kì diệu của ngôn ngữ thơ ca đủ vẽ ra trước mắt chúng ta cả

một thế giới sinh động có linh hồn. Vẽ bằng ngôn từ, hòa nhạc bằng con chữ, và chạm khắc bằng câu văn; chỉ có điều, tất cả tồn tại trong tưởng tượng trong thế giới vô hình. Ngôn ngữ văn xuôi cũng có thể như vậy. Nhưng thơ mang sức biểu đạt diệu kì khiến tính nhạc, họa và chạm khắc trong thơ đạt đến đỉnh cao. Có lẽ chỉ nhà thơ mới có thể tạo nên trong thi phẩm của mình với tiếng du dương của bản cầm ca, sắc vàng của mùa thu, sắc xanh của cỏ xuân “trần biếc cỏ”. Người nghệ sĩ chân chính đã làm thơ bằng trái tim mẫn cảm, bằng trí tuệ sắc sảo để những vần thơ xanh mãi với thời gian.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*Nhiệm vụ 1: Định nghĩa khái niệm “chữ”

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Dự kiến:

- “Chữ” không chỉ hiểu đơn giản là vô âm thanh, là công cụ biểu đạt quan niệm của người viết mà đó còn là ngôn ngữ được sử dụng, tổ chức một cách nghệ thuật trong bài viết.
- “Chữ” trong bài thơ cần có sự tương quan, liên kết với các câu thơ, phải có độ vang, sức gợi cảm, gợi sự hứng thú với người đọc và truyền tải được tiếng lòng của nhà thơ.

*Nhiệm vụ 2: Bài viết của Lê Đạt đã giúp bạn hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Dự kiến:

Những hiểu biết về hoạt động sáng tạo thơ ca được rút ra từ văn bản:

- Hoạt động sáng tạo thơ ca là một quá trình dài và gian khổ, một con đường gập ghềnh nhiều khó khăn.
- Muốn sáng tạo thơ ca thì phải biết “chữ” và hiểu “chữ”, hiểu theo “ý tại ngôn ngoại” và phải có nhịp điệu, có sự gợi cảm, thu hút người đọc.
- Hoạt động sáng tạo thơ ca gắn liền với những cảm xúc bộc phát ngẫu nhiên hoặc dựa vào năng khiếu cùng với sự trau dồi kiến thức của nhà thơ.

***Nhiệm vụ 3: Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- **Nhóm Phê bình:** Tập viết những bài nhỏ đánh giá vẻ đẹp của chữ trong những bài thơ đã học, đã đọc
- **Nhóm sáng tác:** Tập làm thơ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 1 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá sản phẩm phê bình văn học
(Như viết đoạn văn)

Bảng kiểm đánh giá sản phẩm thơ

STT	Tiêu chí	Mức độ
-----	----------	--------

		Đạt	Chưa đạt
1	Thiếu giọng điệu, thiếu trau chuốt ngôn từ		
2	Biết tạo giọng điệu bằng số câu, số chữ, vần, nhịp nhưng chưa thực sự hài hòa với ý thơ		
3	Dụng công câu chữ tạo sức hấp dẫn, cuốn hút cho ý thơ		
4	Sản phẩm hay về ý, hấp dẫn về nghệ thuật lại được thể hiện sinh động, hấp dẫn		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Tìm các ví dụ minh họa cho quan điểm của nhà thơ Lê Đạt: Nhà thơ làm chữ không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ.
- Tìm đọc thêm các tác phẩm nghị luận có độ dài và chủ đề tương tự.
- **Chuẩn bị bài:** Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 31

LỖI VỀ MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN: DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH CHỈNH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Ngôn ngữ

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để phân tích lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản; từ đó, nhận diện, phân tích và sửa chữa được các lỗi về mạch lạc và liên kết trong bài viết, bài nói.

2. Phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Suu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, clip

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về lỗi dùng từ trong tiếng Việt.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- HS xem clip hài Văn tả mẹ:

<https://www.youtube.com/watch?v=TmAjUC0cj2E>

- HS phân tích yếu tố gây cười trong clip?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến câu trả lời của HS:

Đánh lạc hướng suy luận của người xem nên gây cười

Cụ thể:

- Bố hỏi con về mẹ => Người xem nghĩ về tình cảm gia đình
- Bố đọc bài văn của con => Dạy con cách viết văn
- Khi con tả mẹ không đẹp, bố chê trách con => Người xem đang cho rằng bố đứng về phía mẹ thì hóa ra ông bố lại hoàn toàn đồng ý với con

Bước 4: Kết luận, nhận định

➔GV dẫn vào bài:

Một đội bóng, nếu các cầu thủ không liên kết với nhau thì không phải là một đội bóng, mà chỉ là 11 người chơi bóng. Một văn bản cũng vậy, nếu không liên kết, các câu sẽ chỉ nằm cạnh nhau, rời rạc, không liên quan gì nhau, nghĩa là chúng không hợp thành một văn bản thực thụ. Vậy làm thế nào để không mắc lỗi liên kết và mạch lạc trong sử dụng tiếng Việt?

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1. Tìm hiểu về liên kết, mạch lạc và lỗi mạch lạc, liên kết trong đoạn văn, văn bản

a. Mục tiêu: HS hiểu được liên kết, mạch lạc và nhận biết lỗi trong đoạn văn, văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. Sản phẩm: phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Các phiếu học tập:

Phiếu học tập 1: Liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

Ngữ liệu	Câu hỏi	Trả lời
<u>Văn bản</u> “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”	Nêu nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.	

<u>Đoạn văn</u> <i>Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ.</i> (Phong Tử Khải, <i>Yêu và đồng cảm</i>)	a. Tại sao nó được coi là một đoạn văn?	
	b. Hãy chỉ ra mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên.	
	c. Dấu hiệu nào cho thấy mạch lạc giữa đoạn văn này và các đoạn văn khác của văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> ?	
	d. Trong đoạn văn, những từ ngữ nào được lặp lại nhiều lần? Cách dùng từ ngữ như vậy có tác dụng gì?	

Phiếu học tập 2: Lỗi về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

Ngữ liệu chứa lỗi	Lỗi – Nguyên nhân mắc lỗi	Loại lỗi	Phương án sửa
<i>Nhà nước ta rất coi trọng hiền tài. Người hiền tài có những năng lực vượt trội so với người bình thường và có thể làm được nhiều việc lớn. Hiền tài trong lịch sử thời nào cũng có. Tên của những hiền tài và sự nghiệp của họ luôn được nhân dân ghi nhớ.</i>	Lỗi 1:		
<i>Thay vì cầm một cuốn sách để đọc, nhiều người bây giờ chỉ biết lăm lăm trong tay một chiếc điện thoại thông minh. Mặc dù không thấy được ích lợi của sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên không ít người hầu như đã vứt bỏ thói quen đọc sách. Nó tuy rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.</i>	Lỗi 2:		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Tìm hiểu về liên kết, mạch lạc và lỗi mạch lạc, liên kết trong đoạn văn, văn bản	I. Tìm hiểu về liên kết, mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm: 2 nhóm thực hành tìm hiểu về liên kết và mạch lạc, 2 nhóm thực hành tìm hiểu về lỗi liên kết và mạch lạc GV cung cấp công cụ đánh giá Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Các nhóm trình bày kết quả dưới dạng trò chơi Ai nhanh hơn? Hai đội cùng nhiệm vụ trở thành 2 đối thủ tranh tài và phản biện cho nhau - Các HS khác nhận xét, bổ sung bằng bảng kiểm Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).	Phiếu học tập 1: Liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Câu hỏi</th><th>Trả lời</th></tr><tr><td><u>Văn bản</u> “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”</td><td>Nêu nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.</td><td>“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” là một văn bản có kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục: - Phần 1 thể hiện quan niệm và thái độ với người hiền tài; - Phần 2: Những việc nhà nước làm để tôn vinh người hiền tài; việc cần làm tiếp là khắc bia tiến sĩ vì việc này mang lại nhiều ý nghĩa. => Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic. => Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối,...</td></tr><tr><td><u>Đoạn văn</u> Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ</td><td>a. Tại sao nó được coi là một đoạn văn?</td><td>Đoạn trên được coi là đoạn văn vì: - Về nội dung: Đoạn tập trung bàn</td></tr></table>	Ngữ liệu	Câu hỏi	Trả lời	<u>Văn bản</u> “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”	Nêu nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.	“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” là một văn bản có kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục: - Phần 1 thể hiện quan niệm và thái độ với người hiền tài; - Phần 2: Những việc nhà nước làm để tôn vinh người hiền tài; việc cần làm tiếp là khắc bia tiến sĩ vì việc này mang lại nhiều ý nghĩa. => Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic. => Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối,...	<u>Đoạn văn</u> Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ	a. Tại sao nó được coi là một đoạn văn?	Đoạn trên được coi là đoạn văn vì: - Về nội dung: Đoạn tập trung bàn
Ngữ liệu	Câu hỏi	Trả lời								
<u>Văn bản</u> “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”	Nêu nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.	“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” là một văn bản có kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục: - Phần 1 thể hiện quan niệm và thái độ với người hiền tài; - Phần 2: Những việc nhà nước làm để tôn vinh người hiền tài; việc cần làm tiếp là khắc bia tiến sĩ vì việc này mang lại nhiều ý nghĩa. => Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic. => Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối,...								
<u>Đoạn văn</u> Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ	a. Tại sao nó được coi là một đoạn văn?	Đoạn trên được coi là đoạn văn vì: - Về nội dung: Đoạn tập trung bàn								

	thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ. (Phong Tử Khải, Yêu và đồng cảm)		về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i>. - Về hình thức: + Có dấu hiệu mở đầu viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm câu. + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn. Các câu có sự liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế.
		b. Hãy chỉ ra mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên.	Sự mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên: Các câu đều tập trung bàn về lòng đồng cảm của con người. Mỗi câu đều nhắc đến các từ “tấm lòng” hay “lòng đồng cảm”: Câu 1: Khẳng định con người "vốn giàu lòng đồng cảm"; Câu 2: Tác động của người đời làm hao mòn lòng đồng cảm; Câu 3: Người thông minh vẫn giữ được lòng đồng cảm; Câu 4: Khẳng định người giữ được lòng đồng cảm là nghệ sĩ.

	c. Dấu hiệu nào cho thấy mạch lạc giữa đoạn văn này và đoạn văn khác của văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> ?	Dấu hiệu cho thấy mạch lạc giữa đoạn văn này và đoạn văn khác của văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> cảm: Các đoạn văn cùng tập trung vào việc thể hiện chủ đề chung: <i>Yêu và đồng cảm</i>. - Đoạn văn trên là một lý lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người.
	d. Trong đoạn văn, những từ ngữ nào được lặp lại nhiều lần? Cách dùng từ ngữ như vậy có tác dụng gì?	- Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì. - Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức.

II. Tìm hiểu lỗi về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

Phiếu học tập 2: Lỗi về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

Ngữ liệu chứa lỗi	Lỗi – Nguyên nhân mắc lỗi	Loại lỗi	Phương án sửa
<i>Nhà nước ta rất coi trọng hiền tài.</i>	Lỗi 1: + Phép lặp từ đã được sử	Lỗi liên kết: Đoạn	Người hiền tài là người có những

	<i>Người hiền tài có những năng lực vượt trội so với người bình thường và có thể làm được nhiều việc lớn. Hiền tài trong lịch sử thời nào cũng có. Tên của những hiền tài và sự nghiệp của họ luôn được nhân dân ghi nhớ.</i>	dụng ở các câu kể nhau mà đoạn văn vẫn rời rạc + Các câu không cùng tập trung thể hiện một chủ đề nhất định; không có sự liên kết.	văn sử dụng phép liên kết hình thức (phép lặp) chưa phù hợp, chưa liên kết được các câu trong đoạn.	năng lực vượt trội so với người bình thường. Họ được xem là nguyên khí của quốc gia. Công danh sự nghiệp lớn lao của họ được lưu danh muôn thuở. Trong lịch sử 4000 năm, nước ta thời nào cũng có những bậc hiền tài, thánh nhân.
	<i>Thay vì cầm một cuốn sách để đọc, nhiều người bây giờ chỉ biết lăm lăm trong tay một chiếc điện thoại thông minh. Mặc dù không thấy được ích lợi của sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên ít người hầu</i>	Lỗi 2: + Các câu rời rạc, không logic, không có sự liên kết, không tập trung bàn về một chủ đề nhất định, mỗi câu bàn về một khía cạnh riêng, ít hoặc không liên quan đến nhau: Câu 1: Bàn về hiện tượng nhiều người không đọc sách mà lăm lăm dùng điện thoại thông minh.	+ lỗi về mạch lạc + lỗi liên kết trong đoạn văn	- Thay thế phép nối “Mặc dù ... nên...” giữa câu 1 với câu 2 thành “Vì ... nên...”, trở thành câu: “Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và

	<i>như đã vứt bỏ thói quen đọc sách. Nó tuy rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.</i>	Câu 2: Bàn về việc nhiều người không thấy được lợi ích của việc đọc sách nên vứt bỏ thói quen này => Câu thứ hai ý nghĩa không rõ ràng khi dùng quan hệ từ mặc dù – nên. Câu 3: Bàn về tác hại của điện thoại thông minh. + Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu 1 và câu 2 chưa phù hợp. + Giữa câu 2 và câu 3 chưa có phép liên kết hình thức.	rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách.” - Có thể sửa câu thứ 3 thành “Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn”. => Đoạn văn sau khi sửa: Thay vì cầm một cuốn sách để đọc, nhiều người bây giờ chỉ biết lăm lăm trong tay một chiếc điện
--	--	---	--

				thoại thông minh. Vì không thấy được ích lợi của sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên không ít người hầu như đã vứt bỏ thói quen đọc sách và tìm đến điện thoại. Chiếc điện thoại tuy rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.
--	--	--	--	--

2.2. Nhận diện lỗi về liên kết, mạch lạc và cách sửa

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các loại lỗi liên kết và mạch lạc hay gặp và cách sửa.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập 3: Bảng nhận diện các loại lỗi và cách sửa

Biểu hiện	Loại lỗi	Nối 2 cột	Cách sửa
Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc.	???		- Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn. - Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. - Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày.
Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi chủ đề chung đã xác định.	???		- Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản. - Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề. - Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhận diện lỗi và hình thành kĩ năng sửa lỗi Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	III. Nhận diện lỗi và hình thành kĩ năng sửa lỗi

Thảo luận theo cặp: Nhiệm vụ 1: HS nhận diện loại lỗi Nhiệm vụ 2: HS tìm phương pháp sửa lỗi cho từng loại lỗi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1: HS nhận diện loại lỗi HS chọn bạn để thảo luận vòng 1, tìm lỗi sai tương ứng với từng biểu hiện Nhiệm vụ 2: HS tìm phương pháp sửa lỗi cho từng loại lỗi HS tráo đổi cặp đôi, hình thành nhóm thảo luận cặp đôi mới để nối từng loại lỗi với cách thức sửa lỗi tương ứng HS thảo luận theo cặp hoàn thành nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện các cặp đôi trình bày kết quả. HS lắng nghe, đặt câu hỏi và nhận xét, bổ sung Bước 4. Đánh giá, kết luận: Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	Phiếu học tập 3: Bảng nhận diện các loại lỗi và cách sửa <table><tr><th>Loại lỗi</th><th>Biểu hiện</th><th>Cách sửa</th></tr><tr><td>Lỗi liên kết trong đoạn văn</td><td>Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc.</td><td> - Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn. - Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. - Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày. </td></tr><tr><td>Lỗi mạch lạc trong đoạn văn</td><td>Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi</td><td> - Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản. - Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề. - Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề. </td></tr></table>	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa	Lỗi liên kết trong đoạn văn	Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc.	- Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn. - Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. - Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày.	Lỗi mạch lạc trong đoạn văn	Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi	- Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản. - Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề. - Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề.
Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa								
Lỗi liên kết trong đoạn văn	Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc.	- Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn. - Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. - Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày.								
Lỗi mạch lạc trong đoạn văn	Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi	- Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản. - Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề. - Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề.								

		chủ đề chung đã xác định.	
--	--	------------------------------	--

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện đủ các yêu cầu		
2	Thực hiện đúng các yêu cầu		
3	Sửa câu đúng, hay, hấp dẫn		
4	Phản trình bày tự tin, sinh động, cuốn hút		

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Vận dụng vào viết đoạn văn ngắn Hình thức: Làm việc cá nhân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: - Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về ý nghĩa của sự thấu cảm trong cuộc sống. Từ đó phát hiện các lỗi liên kết và mạch lạc trong đoạn văn vừa viết (nếu có). - Giải thích sự liên kết và mạch lạc trong đoạn văn mà em đã viết.	IV. Vận dụng viết đoạn 1. Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu: - Dung lượng đoạn văn (khoảng 150 chữ); đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung của đoạn văn: ý nghĩa của sự thấu cảm trong cuộc sống 2. HS phát hiện các lỗi liên kết và mạch lạc trong đoạn văn vừa viết (nếu có).

- GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, viết đoạn văn - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn. - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm. Bước 4. Đánh giá kết quả GV nhận xét và cho điểm HS.	3. HS giải thích sự liên kết và mạch lạc trong đoạn văn của mình.
--	---

Bảng kiểm đoạn văn và giải thích sự liên kết và mạch lạc trong đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng văn (khoảng 150 chữ)	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: ý nghĩa của sự thấu cảm trong cuộc sống	
3	Đoạn văn đảm bảo mạch lạc cùng hướng về chủ đề; đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, ngữ pháp; sử dụng phương tiện kết nối phù hợp giữa các câu tạo sự liên kết	
5	Giải thích hợp lý sự liên kết và mạch lạc trong đoạn văn vừa viết	

Đoạn văn tham khảo:

Yêu một chiếc lá bị dập vùi trong bão tố, thương một cánh chim quay cuồng trong giông lốc, xót xa cho những kiếp đời mong manh trong đói nghèo, đau khổ,...Thế gian này trở nên rộng lớn hơn khi người bên người sống để yêu nhau. Thấu cảm giúp ta biết đặt mình vào vị trí, hoàn cảnh của người khác để cảm nhận, thấu hiểu, cảm thông với cảnh ngộ, nỗi niềm của họ

một cách sâu sắc. Thấu cảm giúp ta bồi đắp lòng nhân ái, giúp ta biết yêu thương, biết chia sẻ và có trách nhiệm với cộng đồng, với những người xung quanh mình. Thấu cảm còn giúp ta tránh được những phán xét, suy nghĩ cực đoan và sống vị tha hơn đối với người khác. Những kiếp người phải đau buồn, bất hạnh mong cầu biết bao sự thấu cảm, yêu thương. Hiểu thêm buồn khổ, chia đi yêu thương sẽ khiến người khác vui bớt nỗi buồn, có thêm động lực để vượt qua khó khăn, hướng đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Thấu cảm đã tạo nên mối quan hệ thân thiện, gắn kết, giúp cho xã hội tốt đẹp, nhân văn hơn.

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tìm và sửa các lỗi về liên kết và mạch lạc trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn.
- Suu tầm các trường hợp vi phạm lỗi liên kết và mạch lạc trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi và đưa ra phương án sửa chữa

Dự kiến:

Suu tầm các trường hợp vi phạm lỗi liên kết và mạch lạc trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi và đưa ra phương án sửa chữa

1. Đây là một câu rườm rà, rắc rối, gây đau đầu người đọc (mà báo mạng hiện nay gọi là "hại não") trên báo điện tử Đ.T.N.V.N:

"Bằng sự nỗ lực vào cuộc không kể ngày đêm của các tổ chức KH&CN, các nhà khoa học liên ngành như: hải dương học, địa chất thủy văn, động học dòng chảy, hóa học, sinh học, bệnh học, sinh thái, viễn thám, kỹ thuật hạt nhân... tính đến thời điểm ngày 26-4-2016 các kết quả phân tích cho thấy đã đủ căn cứ khoa học để loại trừ hầu hết các nhóm nguyên nhân tự nhiên từ địa chấn, sốc nhiệt, dịch bệnh... và khu trú tập trung vào hai nhóm nguyên nhân chính độc tố và tảo độc" (Bài "VN trong tuần: Bộ KH&CN xác định nguyên nhân cá chết ở miền Trung").

=> **Lỗi:** Trong câu này có từ "khu trú", thực sự không hiểu, tra từ điển cũng không thấy có từ này. Diễn đạt kiểu như vậy làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

=> **Sửa:.** Cần sửa câu này lại như sau: "Nhờ sự nỗ lực, khẩn trương, đến ngày 26-4-2016, các tổ chức KH&CN, các nhà khoa học đã đủ căn cứ khoa học để loại trừ hầu hết các nhóm nguyên nhân tự nhiên từ địa chấn, sốc nhiệt, dịch bệnh... và tập trung vào hai nhóm nguyên nhân chính độc tố và tảo độc".

2. Thêm một câu (cũng trong bài này) đưa người đọc vào "mê hồn trận", đọc báo mà không khác gì đi vào khu rừng rậm: "Về vấn đề này, chủ trương của thành phố trước khi thực hiện là giao nhiệm vụ cho Ủy ban Nhân dân quận Thanh Xuân triển khai công tác chỉnh trang cải tạo bề mặt tuyến phố Lê Trọng Tấn, UBND quận Thanh Xuân đã phối hợp với Sở Quy hoạch-Kiến trúc xây dựng phương án chỉnh trang mặt tiền các công trình thuộc tuyến đường Lê Trọng Tấn, thực hiện các công việc chỉnh trang theo đúng chỉ đạo của thành phố, hoàn thành đảm bảo chất lượng và tiến độ để hoàn thành công trình thí điểm tuyến phố đô thị kiểu mẫu của Thủ đô - một con đường đẹp ở cảnh quan, đẹp trong cách làm mô hình mới, phương thức quản lý mới, đẹp trong sự đồng thuận của nhân dân".

=> **Lỗi:** Câu này dùng từ sai, lặp, câu dài loằng ngoằng, rối như canh hẹ.

=> **Sửa:** Cần sửa lại như sau: "Về vấn đề này, lãnh đạo thành phố đã có chủ trương giao nhiệm vụ cho Ủy ban Nhân dân quận Thanh Xuân triển khai công tác chỉnh trang, cải tạo bề mặt tuyến phố Lê Trọng Tấn. UBND quận Thanh Xuân đã phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng phương án thực hiện theo đúng chỉ đạo của thành phố, đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công. Đây là công trình thí điểm về tuyến phố đô thị kiểu mẫu của Thủ đô - một con đường có cảnh quan đẹp nhờ mô hình mới, phương thức quản lý mới và sự đồng thuận của nhân dân"

- **Chuẩn bị nội dung viết:** Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

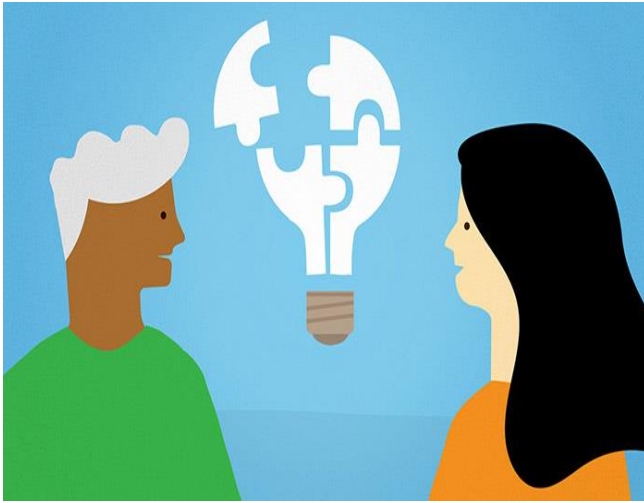
- RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

VIẾT

Tiết 32,33

VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM



I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Viết

Quy trình viết

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành viết

- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

2. Phẩm chất

- Biết ứng xử chuẩn mực, cảm thông, chia sẻ với đối tượng được thuyết phục

- Tin tưởng vào điều mình đang hướng tới

- Lịch lãm, tế nhị trong cách sử dụng ngôn ngữ,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. **Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip hình ảnh về việc trì hoãn thời gian, đi học muộn, hút thuốc lá, phóng nhanh vượt ẩu

HS tìm từ ngữ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm trước những thói quen đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:





GV chia lớp thành 4 nhóm tương đương 4 đội chơi. Trong thời gian 3 phút mỗi đội viết những từ ngữ thể hiện suy nghĩ, quan điểm, thái độ của mình hoặc những câu tục ngữ, ca dao, danh ngôn hay dẫn chứng về những hình ảnh lên giấy dán. (Đây chính là vốn từ vựng gợi ý cho HS thực hành viết)

Trong khoảng thời gian 1 phút nhóm nào dán được nhiều từ hơn, các từ có giá trị biểu cảm cao hơn sẽ giành chiến thắng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các đội chơi trình bày miếng dán
- Các HS khác quan sát, thảo luận, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Dự kiến câu trả lời:

- Trì hoãn, Ngay bây giờ hoặc không bao giờ. (J. S. Scott), Việc hôm nay chớ để ngày mai, Chồng người vác giáo săn beo/Chồng em vác dừa săn mèo khắp mâm, Vốn tôi có máu đau hàm/Cơm ăn thì dễ, việc làm thì đau.
- Đi học muộn, trèo tường, thiếu kỉ luật, không quý trọng thời gian, không sắp xếp được công việc,...
- Hút thuốc lá, hại cho sức khỏe, ảnh hưởng tới người xung quanh, Hút thuốc lào/ Nâng cao sĩ diện/Thơm mồm bỏ phổi diệt trùng lao.
- Đua xe, Ga có bao nhiêu hầy kéo hết, và bóp phanh thật nhanh khi nhìn thấy Chúa, tốc độ, mạo hiểm, nguy hiểm tính mạng, coi thường luật lệ giao thông.

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

➔ **GV dẫn vào bài: Thói quen xấu** là ngọn nguồn của mọi sai lầm. Nó ban đầu chỉ là sợi chỉ mỏng manh nhưng sau đó là sợi dây xích chắc chắn trói buộc cuộc đời ta. **Thói quen xấu** thường được biểu hiện rõ ràng, từ **những** việc làm **xấu** nhỏ nhất cho đến **những** việc lớn làm nguy hại tới cả xã hội...

21 ngày hình thành nên thói quen, 81 ngày hình thành nên tính cách, vậy mất bao nhiêu ngày để một người có thể từ bỏ thói quen và quan niệm?

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

- a. Mục tiêu:** HS hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Phân tích ví dụ SGK HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc văn bản SGK – trang 88-90 và dựa vào gợi ý ở phía lề phải văn bản: - Vấn đề chính được bàn luận là gì? - Bài nghị luận trên giúp người đọc có được hiểu biết gì về việc từ bỏ thói quen dùng điện thoại? - Tác giả bài viết đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào? - Sơ đồ hoá kiến thức trong bài viết tham khảo. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức	I. Tìm hiểu chung về bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm 1. Xét bài viết tham khảo SGK: - Vấn đề chính được bàn luận: Nghiện điện thoại và từ bỏ thói quen dùng điện thoại quá nhiều - Bài nghị luận giúp người đọc hiểu về nguyên nhân nghiện điện thoại, tác hại của nghiện điện thoại và cách từ bỏ thói quen dùng điện thoại quá nhiều - Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự: + Giới thiệu chung về xu hướng sử dụng công nghệ trong thời hiện đại + Thể hiện thái độ từ bỏ đối với thói quen dùng điện thoại + Đồng cảm và thấu hiểu căn nguyên của việc nghiện điện thoại + Chỉ ra các biểu hiện và phân tích các mặt tiêu cực của thói quen dùng điện thoại quá nhiều + Bày tỏ sự đồng cảm và sẵn sàng giúp đỡ đối với những người quyết tâm từ bỏ thói quen dùng điện thoại + Kết luận: Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử - Sơ đồ hoá kiến thức bài viết tham khảo: Điện thoại thông minh và người dùng, ai là ông chủ? ↓

Thao tác 2: Tìm hiểu những đặc điểm của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm được sử dụng trong hoàn cảnh nào? - Cần đảm bảo điều kiện gì để viết được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	+ Giới thiệu chung về xu hướng sử dụng công nghệ trong thời hiện đại ↓ + Xác lập vị thế, giọng điệu người trong cuộc, người chứng kiến, trải nghiệm ↓ + Thể hiện thái độ từ bỏ đối với thói quen dùng điện thoại ↓ + Đồng cảm và thấu hiểu căn nguyên của việc nghiện điện thoại để gây thiện cảm và tạo ấn tượng tích cực cho người được thuyết phục + Chỉ ra các biểu hiện và phân tích các mặt tiêu cực của thói quen dùng điện thoại quá nhiều ↓ + Bày tỏ sự đồng cảm và sẵn sàng giúp đỡ đối với những người quyết tâm từ bỏ thói quen dùng điện thoại ↓ + Kết luận: Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử 2. Tìm hiểu những đặc điểm của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm - Hoàn cảnh sử dụng: Trong sinh hoạt cộng đồng, sự đồng thuận luôn là vấn đề được mọi người quan tâm. Vì sự đồng thuận đó, mỗi chúng ta không ít lần được đặt vào tình huống phải thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm, có khi bằng lời nói trực tiếp, có khi bằng bàn luận. - Điều kiện để thực hiện dạng bài viết: + Nắm vững quy trình triển khai bài văn nghị luận nói chung, + Cần có sự hiểu biết về chuẩn mực ứng xử, tinh thần cảm thông, chia sẻ với đối tượng được thuyết phục
--	--

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS cách tìm ý và lập dàn ý bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm HOẠT ĐỘNG NHÓM Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm: Nhóm 1,2: Nêu cách tìm ý cho một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm, Nhóm 3,4: Nêu cách lập dàn ý chung cho một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. <i>Để có những định hướng cụ thể trong tìm ý, GV yêu cầu HS xem lại bài viết tham khảo, lưu ý HS một số vấn đề:</i> + Quyết tâm từ bỏ thói quen dùng điện thoại + Kết luận: Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức thảo luận nhóm (dựa vào phân định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện một số nhóm trình bày. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức	II. Tìm ý, lập dàn ý bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm 1. Cách tìm ý cho bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm Để tìm ý, có thể đặt ra các câu hỏi: - Thói quen hay quan niệm cần từ bỏ ấy có phổ biến không? - Thói quen hay quan niệm cần từ bỏ ấy có những biểu hiện cụ thể nào? - Vì sao cần phải từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy? (Nó ảnh hưởng không tốt đến bạn và môi trường hoặc cộng đồng như thế nào?) - Việc từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy nên được thực hiện ra sao? - Tôi và tập thể có thể hỗ trợ gì cho bạn? 2. Dàn ý chung của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm * Mở bài: Nêu thói quen hay quan niệm mà người viết chuẩn bị thuyết phục người khác từ bỏ (có thể gọi ra bối cảnh của việc thuyết phục và xác định vị thế phát ngôn của người viết). * Thân bài (cần triển khai các ý): - Biểu hiện của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ. - Lý do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó.

	- Cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp. - Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi người được thuyết phục từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp. * Kết bài: nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã được đề cập.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:
- + HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.
- + Viết được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

b. Nội dung: chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU TÌM Ý:

Các ý cần tìm	Nội dung cần đạt
Thói quen cần từ bỏ	
Thái độ của người viết	
Giọng điệu toàn bài	
Tác hại khi mắc thói quen xấu	
Lợi ích khi từ bỏ thói quen xấu	

Sự đồng cảm và sẵn sàng giúp đỡ đối với những người đang mắc thói quen không tốt	
--	--

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm <u>Thao tác 1:</u> Hướng dẫn HS chuẩn bị - GV hướng dẫn HS lựa chọn vấn đề nghị luận Thảo luận cặp đôi trong bàn: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng kĩ thuật công não: + Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ tư tưởng kì thị người đồng tính - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài: + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì? + Em có thể vận dụng các thao tác lập luận nào trong bài viết? + Dự định những luận điểm cần có trong bài viết? + Để bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu? Em hãy hình	III. Thực hành Đề bài: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ tư tưởng kì thị người đồng tính 1. Bước 1: Chuẩn bị viết Các đề tài có thể lựa chọn: + Về các thói quen cần từ bỏ: đi học muộn, không làm bài tập ở nhà, không chuẩn bị bài mới, hay ăn quà vặt trong lớp học,... + Về các quan niệm cần từ bỏ: kỳ thị người khác giới, kỳ thị người tàn tật, coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn,... ➔ Nhìn chung, đề tài được chọn nên là các thói quen hay quan điểm mang tính phổ biến, với ảnh hưởng tiêu cực đối với việc xây dựng môi trường giao tiếp, môi trường sống tốt đẹp, văn minh, văn hóa : - Dạng bài: nghị luận xã hội - Về nội dung: viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm - Về thao tác lập luận: Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng ngữ liệu trong đời sống - Hệ thống luận điểm triển khai bài viết theo dàn ý gợi ý 2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

dung những dẫn chứng mà em sẽ lấy cho bài viết? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát, gợi mở Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, <u>Thao tác 2:</u> Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý: + HS điền vào Phiếu tìm ý theo mẫu. + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát, gợi mở Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận	<i>Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài nghị luận, gồm:</i> a. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về thói quen cần từ bỏ: kì thị người đồng tính b. Thân bài * Thái độ không đồng tình với sự kì thị người đồng tính - Người kì thị thường lấy quy chuẩn cá nhân, hoặc những tư duy lạc hậu, lỗi thời để quy chụp cho người đồng tính - Người kì thị chưa hiểu được những nguyên nhân sinh học sâu xa nơi người đồng tính - Suy nghĩ của người kì thị thường lạc hậu, quy chụp, kém bao dung * Tác hại khi kì thị người đồng tính: - Đẩy họ tới sự cô lập, xa rời xã hội, xa rời cả các điều kiện y tế tối thiểu bảo vệ họ, trầm trọng hơn có khi cướp đi mạng sống của họ - Gây chia rẽ đồng loại, chia rẽ dân tộc * Lợi ích khi từ bỏ thói quen kì thị người đồng giới - Giúp họ hòa nhập cộng đồng - Tạo dựng cho chính mình trái tim nhân ái, bao dung, rộng lượng * Tinh thần sẵn sàng hỗ trợ giúp đỡ để người kì thị từ thói quen c. Kết bài: nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan điểm đã được đề cập viết
---	---

+ HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, định hướng.	
<u>Thao tác 3:</u> Hướng dẫn HS viết bài HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS viết bài theo dàn ý đã lập. + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn.	3. Bước 3: Viết - Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kỹ năng viết. Chú ý: + Bài viết đủ 3 phần + Mỗi ý trong bài cần được triển khai thành một đoạn văn; từng đoạn văn đều có câu chủ đề, được đặt ở vị trí thích hợp. Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú, kèm theo những lời bình, phân tích phù hợp, tránh tình trạng nói chung chung thiếu căn cứ. Cần nêu những bằng chứng tích cực để bài viết thể hiện rõ tính chất động viên. + Cần chọn giọng điệu ân cần, cảm thông khi thể hiện lý lẽ thuyết phục. Dù khi viết, bạn không nhất thiết phải nêu tên người được thuyết phục, nhưng bạn cần hình dung về đối tượng đang nghe mình nói một cách hết sức cụ thể. Điều này sẽ giúp bài viết tránh được những lời hô hào chung chung.
<u>Thao tác 4:</u> GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc lại bài luận đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:	4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện - Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý. - Thay thế những từ ngữ có thể tạo nên giọng điệu thuyết phục không thích hợp, chẳng hạn những từ ngữ toát lên sắc thái mệnh lệnh, quyết đoán: không được, cần phải,... Bỏ những ý, những câu dễ tạo ra phản ứng ngược từ phía người được thuyết phục.

HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hoặc quan niệm	- Bổ sung những ý, những câu thể hiện sự cảm thông, chia sẻ cần thiết với đối tượng được thuyết phục nếu thấy còn thiếu. - Chỉnh lại những điểm thiếu nhất quán và chưa phù hợp với bối cảnh thuyết phục, đặc biệt là việc sử dụng các đại từ xưng hô. - Rà soát để đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản. - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. Sử dụng Phiếu chỉnh sửa bài viết để tự hoàn thiện bài
---	--

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể	Đạt/Chưa đạt	
Bố cục ba phần	- Mở bài: + Đã giới thiệu được vấn đề cần nghị luận chưa?		
	- Thân bài: + Có thể hiện được thái độ dứt khoát từ bỏ không? + Giọng điệu có cương quyết, dứt khoát không? + Thói quen xấu đó có tác hại gì? + Khi bỏ được thói quen xấu đó, bạn sẽ có những lợi ích nào? + Cần những dẫn chứng nào để chứng minh?		
	- Kết bài: - Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử		
Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt		
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?		

Dự kiến: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ tư tưởng kì thị người đồng tính

Những biểu hiện kỳ thị do nguyên nhân này thường xuất phát từ những người không quen biết hoặc không thân thiết với người đồng tính. Biểu hiện của những kỳ thị này thường là những lời bàn tán, dèm pha cho rằng đồng tính là trái với lẽ tự nhiên, là ăn chơi, đua đòi, là bệnh hoạn.



Ảnh minh họa.

Những người thân trong gia đình, đặc biệt là cha mẹ người đồng tính đã thấm nhuần những giá trị chuẩn mực của xã hội truyền thống. Chuẩn mực giá trị truyền thống dạy cho nam giới phải mạnh mẽ, quyết đoán phải làm những công việc nặng, việc to lớn; nữ giới phải nhỏ nhẹ, tỏ ra yếu đuối, dễ thương, làm những công việc nhẹ nhàng. Sau này lớn lên, theo quy luật tự nhiên, con trai phải yêu và lấy con gái làm vợ và ngược lại. Những khuôn mẫu chuẩn mực đó đã được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì vậy, những người nào có những biểu hiện “lệch chuẩn” so với những khuôn mẫu, chuẩn mực đó sẽ bị xem là sai lệch, là khác người, và có thể

làm mọi người phải sợ hãi và tránh xa. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử từ gia đình và những người thân thường mạnh mẽ hơn cả. Bằng tình thương và trách nhiệm của mình, các thành viên trong gia đình thường dùng mọi cách để ngăn cấm khi biết con mình có quan hệ đồng giới. Từ khuyên bảo, ngọt ngào tình cảm đến những biện pháp mạnh mẽ như cấm ra ngoài, đánh đập, đến bệnh viện chữa bệnh, thậm chí sử dụng đông tây y kết hợp với cúng bái chỉ với mong muốn thay đổi giới tính cho con.

Mặc dù hiện nay, sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông khiến cho con người có quan niệm cởi mở hơn về đồng tính, song tâm lý khó chấp nhận những điều bất thường vẫn trở nên phổ biến, đặc biệt là ở Việt Nam, những người lớn tuổi thường khó chấp nhận nhóm đồng tính hơn là những người trẻ tuổi. Họ thường cho rằng đồng tính là trái với tự nhiên, trái với thuần phong mỹ tục, trái với luân thường đạo lý, với lẽ đời, nó là điều bất thường cần phải loại bỏ, trong khi những người trẻ tuổi thường có cách nhìn thoáng hơn: đồng tính cũng như người bình thường khác, họ có quyền yêu nhau và lấy nhau.

Sự kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người đồng tính mang lại những hậu quả khôn lường cho bản thân họ và cả xã hội. Hầu hết người đồng tính luôn tìm cách che giấu bản thân, không muốn lộ diện với gia đình và bạn bè, nơi làm việc và xã hội. Đây là một trong những cơ chế để đối phó lại với sự kỳ thị. Họ luôn phải che giấu, thận trọng trong từng hành động của mình để tránh bị người thân và cộng đồng phát hiện. Sự thận trọng trong các mối quan hệ khiến người đồng tính sống khép kín, thu mình hoặc sống không thật với bản thân. Điều này gây tâm lý khó chịu hoặc ức chế cho họ. Sự kỳ thị còn khiến những người đồng tính không dám bộc lộ khuynh hướng tình dục đích thực của mình mà phải sống một cuộc sống hai mặt. Vì che giấu, tránh sự kỳ thị của cộng đồng một người đồng tính có thể vẫn lấy chồng có con nhưng vẫn duy trì quan hệ với những người đồng tính khác. Điều này là không công bằng với những người thân bên cạnh họ. Chính sự che giấu và sống hai mặt có thể tạo nên những hậu quả tiềm ẩn cho gia đình và xã hội. Chịu sự kỳ thị và sống trong những vỏ bọc khiến nhiều người đồng tính dễ rơi vào trạng thái trầm cảm, do đó họ có thể tìm đến rượu, ma túy hoặc quan hệ tình dục với nhiều người, và thực hiện nhiều hành vi có hại cho sức khỏe của họ. Những hành vi đó lại càng khiến người đồng tính bị kỳ thị nặng nề hơn. Họ càng bị thành kiến và đẩy ra ngoài lề xã hội. Do lo sợ bị kỳ thị nên họ không muốn hoặc ngại tiếp cận các dịch vụ y tế khi có bệnh. Đó là những yếu tố làm tăng nguy cơ nhiễm HIV hoặc các bệnh lây truyền qua đường tình dục ở nhóm này. Đây cũng là nguồn lây nhiễm HIV tiềm ẩn cho xã hội.

Như vậy sự kỳ thị phân biệt đối xử của cộng đồng có thể gây ra những tổn thương về tâm lý và sức khỏe cho những người đồng tính. Thậm chí, do chịu quá nhiều áp lực từ gia đình và xã hội mà nhiều người đồng tính đã có ý định hoặc hành vi tự tử. Sự kỳ thị có những ảnh hưởng khôn lường đến những người đồng tính. Để giúp người đồng tính tiếp tục sống tốt, sống có ích cho cộng đồng xã hội, thì sự che chở bao dung của cộng đồng xã hội, đặc biệt là những người

thân trong gia đình sẽ là động lực rất quan trọng. Và chính điều đó mới là thuần phong mỹ tục, là giá trị đạo đức, là luân lý của người Việt Nam.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức

b. Nội dung: HS tóm tắt lại bài viết

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS tóm tắt lại bài viết (khoảng 120 chữ) để tự đánh giá về mức độ chặt chẽ và sự sáng rõ của các luận điểm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ được yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV quan sát, động viên.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thiện lại bài viết theo phiếu chỉnh sửa.
- Suy tầm một số bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.
- **Chuẩn bị bài Nói và Nghe:** Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

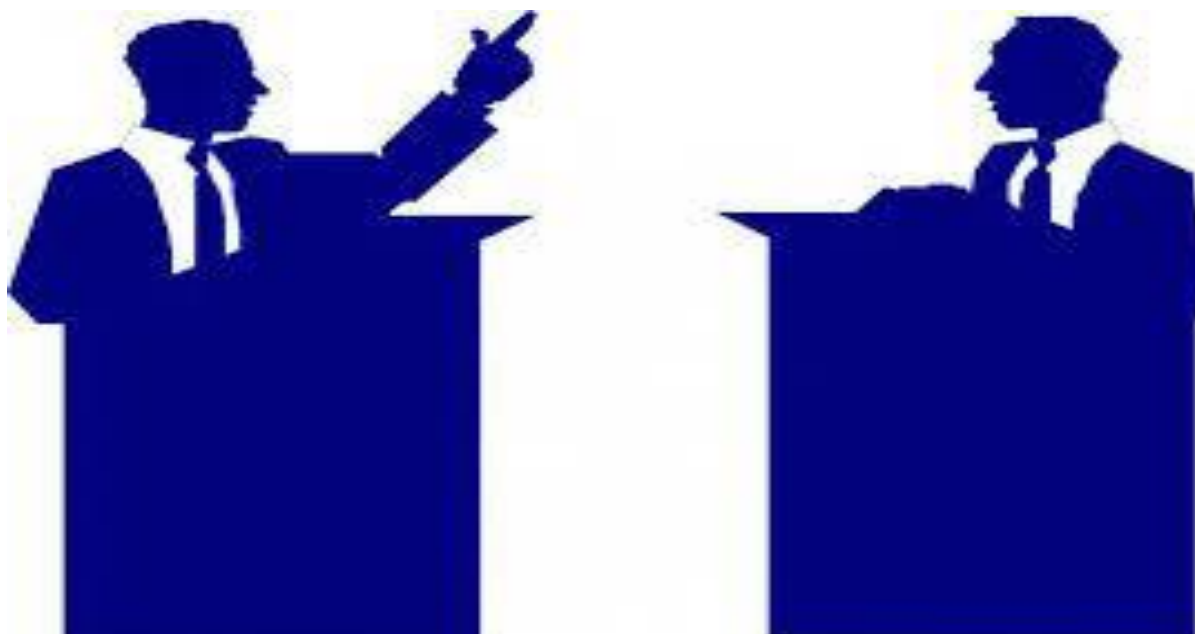
- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

NÓI VÀ NGHE

Tiết 34,35

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU



I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Nói và nghe

Nói

- Biết thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip tranh luận về vấn đề: có chứng chỉ công việc làm thêm để có thể tốt nghiệp nên hay không nên?

https://www.youtube.com/watch?v=hgL_U6KiOgM&t=303s

Từ đó thử rút ra kinh nghiệm tranh luận bằng cách trả lời nhanh các câu hỏi:



Phiếu trả lời nhanh

Vấn đề tranh biện trong clip trên?	
Tại sao lại có sự tranh biện?	
Nhận xét về giọng điệu tranh biện?	
Nhận xét về lí lẽ và dẫn chứng được sử dụng trong clip?	
Em bị thuyết phục bởi ý kiến tranh luận nào?	
Em có sẵn sàng tham gia vào một cuộc tranh biện không?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

→GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Trước một vấn đề, mỗi người sẽ có những nhìn nhận, suy nghĩ và đánh giá khác nhau. Chính vì vậy ta không thể coi thường ý kiến của những người bất đồng với mình và càng không thể vội vàng quy kết họ là sai. Mỗi chúng ta đều không phải là người canh gác cho khẩu hiệu “Tất những gì tôi biết là đúng”. Vậy chúng ta làm gì để dung hòa những góc nhìn vênh nhau?

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu chung của bài thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Đề thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức	I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau Yêu cầu: - Xác định rõ vấn đề cần thảo luận. - Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần được trao đổi thêm,...). - Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu. - Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể). - Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe

a. Mục tiêu: HS thực hành kỹ năng nói và nghe: thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

b. Nội dung:

- HS xác định được các bước thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau
- Biết lắng nghe phần thuyết trình của bạn khác.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1: Lợi và hại của mạng xã hội?

Bài tập 2: Có nên cháy hết mình với đam mê?

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của bài thực hành nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau**

TRƯỚC KHI NÓI	
a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kỹ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. b. Nội dung: HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi vào thực hành, GV lưu ý HS về khâu lựa chọn đề tài: - Đề tài nói cần được thống nhất trong cả lớp trước khi tiết học diễn ra hoặc ngay đầu tiết học. - Nếu tiếp tục triển khai một đề tài của phần viết trong bài học này, cần có những điều chỉnh cần thiết về diễn đạt. Ví dụ: xung quanh chuyện điện thoại thông minh, nếu bài luận thuyết phục khuyên ta cai nghiện điện thoại thông minh thì bài nói tham gia thảo luận sẽ hướng tới trả lời câu hỏi: chúng ta nên sử dụng chiếc đoạn điện thoại thông minh thế nào cho hợp lý? - Để cuộc thảo luận đạt chất lượng tốt, có được nhiều ý kiến hay, nên chọn những đề tài gần gũi với đời sống của các bạn, đồng thời có ý nghĩa chung với cộng đồng. Ví dụ: xây dựng văn hóa đọc, tôn trọng sự khác biệt, tham gia hoạt động thiện nguyện,... *Thao tác 1: Chuẩn bị <u>Chuẩn bị nói</u> ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai?	II. Thực hành nói và nghe <u>Bước 1. Chuẩn bị</u> 1. Chuẩn bị nói: a. Lựa chọn đề tài: - Vấn đề thuyết trình: thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau. - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học. - Thời gian: khoảng 3- 5 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với nội dung thuyết trình. - Chuẩn bị nội dung trình bày: Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học. b. Tìm ý và sắp xếp ý: - Xem lại hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói - Đề ý kiến tham gia thảo luận thực sự có nội dung, cần chú ý trả lời các câu hỏi theo trình tự: Vấn đề chúng ta bàn có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta đã có ý kiến khác nhau ra sao? Điều này có nguyên nhân từ đâu? Ý kiến của tôi là gì và tôi đã dựa vào cơ sở nào để nêu ý kiến đó? Chúng ta nên thống nhất với nhau trên những điểm nào? c. Xác định từ ngữ then chốt:

- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Nếu bài nói là sản phẩm của nhóm thì các thành viên thảo luận để thống nhất về nội dung trình bày; có thể phân chia nội dung bài nói (nhiều người cùng tham gia). - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng. <u>Chuẩn bị nghe</u> Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.	Với những cuộc thảo luận thuộc loại này, từ ngữ thường được dùng là: quan điểm (quan điểm của tôi là,...), góc độ (tôi nhìn nhận vấn đề theo một góc độ khác với bạn,...), khía cạnh (còn một khía cạnh khác cần phải chú ý là,...), theo tôi, tôi cho rằng,... 2. Chuẩn bị nghe: - Tìm hiểu trước về vấn đề thảo luận để có cơ sở nắm bắt đúng ý những người nói và đánh giá được chuẩn xác các ý kiến tham gia thảo luận. Những điều cụ thể cần tìm hiểu trước: Vấn đề gì sẽ được thảo luận trong tiết học? Vấn đề đó lâu nay đã được bàn đến như thế nào? Có khía cạnh gì cần được trao đổi lại và khơi sâu thêm? - Phác thảo trước trong sổ tay hay vở ghi chép những nội dung cần ghi lại khi theo dõi cuộc thảo luận - Chuẩn bị tâm thế lắng nghe và xác định các vấn đề chủ yếu cần đối thoại với người nói: những từ ngữ, hình ảnh nên được chú ý phân tích, cách sử dụng thao tác phân tích,...
--	---

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.

***Thao tác 2: Lập dàn ý bài thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau**

Bài thảo luận 1: Chúng ta nên sử dụng điện thoại thông minh thế nào cho hợp lý?

Bài thảo luận 2: Người đồng tính, hòa hợp hay xa lánh?

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình (bài tập 1 và bài tập 2)

(Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

Bài thảo luận 1: Chúng ta nên sử dụng điện thoại thông minh thế nào cho hợp lý?

Bài thảo luận 2: Người đồng tính, hòa hợp hay xa lánh?

Vấn đề chúng ta bàn có ý nghĩa như thế nào?	
Chúng ta đã có ý kiến khác nhau ra sao?	
Điều này có nguyên nhân từ đâu?	
Ý kiến của tôi là gì và tôi đã dựa vào cơ sở nào để nêu ý kiến đó?	

Bước 2. Lập dàn ý bài thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

Lưu ý: HS xem lại ở phần Viết và bổ sung, chỉnh sửa dàn ý theo bảng gợi ý cho phù hợp với bài thuyết trình.

Bài thảo luận 1: Chúng ta nên sử dụng điện thoại thông minh thế nào cho hợp lý?

Giới thiệu tầm quan trọng của chiếc điện thoại thông minh trong thời đại công nghệ 4.0	
Quan điểm thái độ của người thuyết trình về việc sử dụng điện thoại thông minh	
Lí lẽ + Dẫn chứng để bảo vệ quan điểm: - Đồng tình vì sử dụng điện thoại thông minh có nhiều mặt tích cực - Không đồng tình vì sử dụng điện thoại thông minh có nhiều mặt tiêu cực	
Thể hiện thái độ hài hòa giữa các góc nhìn	

Bài thảo luận 2: Người đồng tính, hòa hợp hay xa lánh?

Giới thiệu vấn đề cần thảo luận: người đồng tính – là vấn đề cấp thiết nhưng chúng ta thường lẫn tránh	
Quan điểm thái độ của người thuyết trình về thái độ đối với người đồng tính: hòa hợp hay xa lánh	
Lí lẽ + Dẫn chứng để bảo vệ quan điểm: - Hòa hợp: + Thấu hiểu giới tính của họ về mặt tâm sinh lý; + Không áp đặt những quan điểm cá nhân và những tư tưởng cổ hủ lạc hậu để soi xét;	

Chúng ta nên thống nhất với nhau trên những điểm nào?		+ Cõi họ cũng là thành viên của cộng đồng xã hội, có những đóng góp lớn lao cho cộng đồng và đương nhiên phải được sống giữa mọi người và sống như mọi người - Không đồng tình: + Không hiểu được bản chất khoa học về giới tính người đồng tính nên coi đây là bệnh dịch sợ lây nhiễm + Áp đặt một số quan niệm cổ hủ lạc hậu để đánh giá người đồng tính	
- Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách: + Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà) Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt.... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói. Em có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. + Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.		Điều chỉnh góc nhìn để đạt đến sự thông hiểu và có được tấm lòng nhân hậu, bao dung, yêu thương con người	
TRÌNH BÀY BÀI NÓI			
a. Mục tiêu: Biết cách tự tin thể hiện quan điểm cá nhân trước một vấn đề xã hội trước mọi người			
b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.			
c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.			
d. Tổ chức thực hiện:			
Bảng kiểm đánh giá bài nói: Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau			
Người thuyết trình:.....			
Người nhận xét:.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)

1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục	Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề.	Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe.	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh họa,...phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

***Thao tác 3: Thực hành nói và nghe**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm.

GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm về những vấn đề đã chuẩn bị ở trên

Bước 3: Thực hành nói và nghe

***Yêu cầu chung:**

- Người nói:

- + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.
- + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh họa,...); đảm bảo thời gian quy định.
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,...

Thành phần tham gia gồm 3 nhóm nhân vật: MC và 2 nhóm đại diện cho 2 luồng ý kiến trái chiều - MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác. - Các HS đại diện 2 nhóm trình bày bài thuyết trình trước lớp. 2 nhóm đổi vai cho nhau khi là người nói, khi là người nghe. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho bạn (mẫu phía trên) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	+ Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). - Người nghe: + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm. + Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. *Yêu cầu cụ thể: Người nói: Dàn ý 1 1. Mở đầu: MC dẫn dắt giới thiệu Giới thiệu vấn đề: Những chiếc điện thoại thông minh được sản xuất nhằm phục vụ những mục đích thiết thực nhưng hiện nay một bộ phận học sinh lại sử dụng điện thoại chưa đúng cách với những mục đích chưa tốt gây xao nhãng, ảnh hưởng đến kết quả học tập và sự lệch lạc trong nhận thức, nhân cách. Vậy làm thế nào để sử dụng điện thoại thông minh hợp lý nhất? 2. Triển khai Nhóm 1: Đồng tình - Lợi ích của việc sử dụng điện thoại thông minh: + Điện thoại di động là những chiếc điện thoại cầm tay có khả năng di động, công dụng chính là liên lạc, trao đổi thông tin tiện ích từ nhiều vị trí, địa điểm. + Ngày nay những chiếc điện thoại ngày càng được cải tiến, thông minh hơn về tính năng, tiện lợi hơn khi sử dụng, không chỉ có chức năng liên lạc mà còn có thể nghe nhạc, chụp ảnh, truy cập web... - Vai trò của điện thoại di động với học sinh: Việc trang bị điện thoại di động cho học sinh là việc cần thiết, không chỉ tiện lợi cho việc liên lạc mà còn phục vụ đắc lực cho quá trình tìm kiếm tài liệu cho việc học.
--	---

	Nhóm 2: Không đồng tình - Thực trạng sử dụng điện thoại thông minh: + Một bộ phận học sinh sử dụng chưa thực sự hiệu quả. + Ngày càng nhiều hiện tượng học sinh sử dụng điện thoại trong giờ học, dùng điện thoại để nhắn tin, nói chuyện riêng gây mất tập trung, xao nhãng việc học. + Đến những tiết kiểm tra, những chiếc điện thoại lại là “phao” cứu sinh để học sinh quay cop, gian lận. + Sử dụng điện thoại di động với những mục đích chưa tốt: tải ảnh, xem những văn hóa phẩm đồi trụy, đăng tải những clip, video có nội dung xấu lên mạng nhằm mục đích trêu chọc, hù dọa người khác - Nguyên nhân: + Thứ nhất, điện thoại di động là thiết bị không thể thiếu đối với mỗi con người hiện đại, việc sử dụng điện thoại phổ biến ắt sẽ nảy sinh những vấn đề tiêu cực. + Thứ hai là do sự nuông chiều của các bậc phụ huynh với con cái khi cho con sử dụng điện thoại di động từ quá sớm mà không hướng dẫn con cách sử dụng sao cho đúng đắn và hiệu quả. 3. Kết thúc: MC dung hòa 2 góc nhìn Để sử dụng điện thoại có hiệu quả, bản thân mỗi học sinh cần có ý thức tự giác trong việc học tập, điện thoại có thể hỗ trợ việc học tập nhưng không có nghĩa là lạm dụng nó. • Người nghe: Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi. - Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,...)
TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VỀ BÀI NÓI a. Mục tiêu: HS được rèn kỹ năng đánh giá bài nói, kỹ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể	

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi cá nhân.

c. Sản phẩm: Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe .

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn

- HS cả lớp tự đánh giá kỹ năng nói và kỹ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

I. Trao đổi, thảo luận

Người nói	Người nghe
- Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận - Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề; nêu cách nhìn nhận riêng của mình và nắm rõ căn cứ của cách nhìn nhận nó - Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận.	- Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra ý kiến hồi đáp của mình để thúc đẩy cuộc thảo luận đạt kết quả tích cực. - Ghi vắn tắt vào sổ tay hay vở ghi chép những điểm cần tranh luận với người nói.

Lưu ý:

- Với tư cách người nói bạn hãy tự đánh giá về ý kiến tham gia thảo luận của mình và chia sẻ với người nghe về những thuận lợi, khó khăn khi trình bày ý kiến đó
- Với tư cách người nghe, bạn phải nêu và phân tích được ưu, nhược điểm của ý kiến phát biểu
- Để có thể tự đánh giá và đánh giá một cách chính xác về ý kiến thảo luận, cần chú ý các nội dung được nêu trong bản sau:

Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài thảo luận

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thảo luận đích đáng và bám sát vấn đề đó trong suốt quá trình thảo luận.		
2	Nắm bắt được sự tiến triển của cuộc thảo luận để điều chỉnh nội dung ý kiến cho phù hợp.		
3	Thể hiện được sự đa dạng của những góc nhìn khác nhau về		

		vấn đề (mỗi ý kiến góp một góc nhìn, một cách đánh giá riêng).		
4		Biết chốt lại những điểm đạt được sự nhất trí giữa những người tham gia thảo luận.		
5		Gợi ra được những điều cần tiếp tục suy nghĩ sau cuộc thảo luận.		
6		Góp phần tạo được không khí đối thoại cởi mở, tôn trọng lẫn nhau.		

Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt
- Rút kinh nghiệm về bài thảo luận:	
+ Đã thảo luận đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
+ Cách thức thảo luận, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?	
+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
- Đánh giá chung:	
+ Điều em hài lòng về bài thảo luận của mình là gì?	
+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thảo luận đó?	

Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Đạt/ chưa đạt
- Kiểm tra kết quả nghe:	
+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau của bạn?	
- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	

	+ Đã chú ý và tôn trọng người thảo luận để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề chưa?	
	+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

3. HOẠT ĐỘNG 3: Củng cố, mở rộng (cả bài 3)

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

1. Ba văn bản đọc trong bài *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, Yêu và đồng cảm, Chữ bàu lên nhà thơ* đã giúp bạn hiểu được gì về đặc điểm nội dung và hình thức của văn nghị luận? (HS thực hiện theo phiếu học tập)

Đặc điểm văn nghị luận	
Đặc điểm nội dung	
Đặc điểm hình thức	

2. Theo bạn, trong văn nghị luận, yếu tố tự sự có thể sử dụng ở những trường hợp nào và với mức độ ra sao?

3. Hãy lập bảng hoặc sơ đồ tư duy để so sánh các văn bản đọc trong bài theo một số điểm gợi ý sau: luận đề; cách triển khai luận điểm; cách nêu lí lẽ và bằng chứng; lí do chọn cách triển khai luận điểm và nêu lí lẽ, bằng chứng;...

4. Thảo luận nhóm về cách nhận diện đặc điểm riêng của văn bản nghị luận xã hội.

Dự kiến:

Trả lời câu hỏi 1: **Phiếu học tập: Văn nghị luận**

Đặc điểm văn nghị luận	
Đặc điểm nội dung	Văn bản nghị luận bàn luận về những giá trị tư tưởng tư tưởng đạo lý, hiện tượng trong đời sống hoặc một vấn đề thuộc phạm trù văn học nghệ thuật, nêu lên những nhận xét, đánh giá về con người, thời đại.
Đặc điểm hình thức	+ Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.

	+ Kết hợp giữa nghị luận với biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục. + Vừa có những đánh giá khách quan, vừa thể hiện được quan điểm riêng của người viết.
--	---

Trả lời câu hỏi 2:

- Các trường hợp có thể sử dụng yếu tố tự sự trong văn nghị luận:
- + Sử dụng yếu tố tự sự trong quá trình lập luận để các luận điểm được trình bày rõ ràng hơn.
- + Sử dụng khi nêu ra các lí lẽ, bằng chứng để tăng sức thuyết phục.
- Yếu tố tự sự cần được sử dụng trong văn nghị luận với mức độ vừa phải, không nên dùng quá nhiều để nhầm sang văn tự sự.

Trả lời câu hỏi 3:

Văn bản Tiêu chí	<i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>	<i>Yêu và đồng cảm</i>	<i>Chữ bầu lên nhà thơ</i>
Luận đề	Bàn luận về tầm quan trọng của hiền tài đối với đất nước.	Nói về sự cần thiết của yêu và đồng cảm trong cuộc sống.	Bàn luận vai trò quan trọng của chữ đối với nhà thơ.
Cách triển khai luận điểm	Luận điểm được triển khai từ ý lớn đến ý nhỏ, từ khái quát đến cụ thể; được trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, logic, dễ hiểu.	Luận điểm được triển khai từ ý nhỏ đến ý lớn, trình bày mạch lạc, logic đã làm nổi bật được luận đề.	Luận điểm có sự liên kết, mạch lạc và có tính chất nâng cao, mở rộng; theo trình tự nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và kết luận.
Cách nêu lí lẽ và bằng chứng	Các lí lẽ, bằng chứng được trình bày cụ thể, hợp lý nhưng chưa có sự liên hệ với thực tiễn, chưa thật sự thuyết phục người đọc.	Lí lẽ, bằng chứng xác đáng, hợp lý, có sự liên hệ nhưng chưa cụ thể và rõ ràng, thiếu sức thuyết phục.	Lí lẽ bằng chứng rõ ràng, hợp lý, có ví dụ liên hệ cụ thể với thực tiễn, tạo được sức thuyết phục.

Lí do chọn cách triển khai luận điểm và nêu lí lẽ, bằng chứng	Đưa ra nội dung khái quát để tạo sự tò mò khiến bạn đọc muốn đi sâu vào tìm hiểu chi tiết vấn đề được bàn luận.	Đưa ra những phân tích, chứng minh gây sự hấp dẫn với người đọc, muốn tìm hiểu rõ hơn về vấn đề bàn luận.	Đặt vấn đề và phân tích, tổng hợp giúp người đọc hiểu rõ hơn vấn đề, nâng cao khả năng hiểu biết về vấn đề bàn luận.
---	---	---	--

Trả lời câu hỏi 4:

Cách nhận diện đặc điểm riêng của văn bản nghị luận xã hội:

- Luận đề, nội dung chính là bàn luận về các hiện tượng cụ thể có trong đời sống xã hội xưa và nay.
- Các luận điểm, luận cứ hướng tới việc phân tích các mặt đúng – sai, chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội đó.
- Dẫn chứng được lấy từ ví dụ thực tế của hiện tượng đó.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 3)

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận đề cập những vấn đề có liên quan tới nội dung các văn bản đã học trong bài. Chú ý xác định quan hệ kết nối giữa các văn bản và tập hợp chúng vào các nhóm có đặc điểm nội dung hoặc hình thức gần gũi (Ví dụ: nhóm văn bản bàn về việc trọng dụng nhân tài, nhóm văn bản bàn về những vấn đề cơ bản của sáng tạo nghệ thuật,...)

Gợi ý:

- Nhóm văn bản bàn về việc trọng dụng nhân tài: *Cầu hiền chiếu* (Ngô Thì Nhậm),...
- Nhóm văn bản bàn về những vấn đề cơ bản của sáng tạo nghệ thuật: *Thơ còn tồn tại được không?* (Diễn từ Nobel 1975 của E. Montale), *Một thời đại trong thi ca* (Hoài Thanh, Hoài Chân), ...

DẠY HỌC DỰ ÁN:

GV đề xuất HS thực hiện dự án: **Nhà báo học đường**

GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ

Yêu cầu: Suru tâm, tìm hiểu, viết bài phóng sự, thực hiện các clip phỏng vấn, clip tọa đàm về các vấn đề học đường:

- Tình yêu học đường nên hay không nên?
- Kinh doanh online trong trường học?
- Làm thêm khi đang ngồi trên ghế nhà trường?
- Vào đại học có phải con đường duy nhất?
- Cháy hết mình với đam mê?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Bảng kiểm đánh giá bài tập dự án

Các tiêu chí	Kết quả	
	Đạt	Không đạt
Tinh thần hợp tác nhóm cao		
Sản phẩm khá phong phú		
Sản phẩm có chất lượng, sinh động, hấp dẫn		
Phần thể hiện tự nhiên, cuốn hút		

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Tìm đọc thêm văn bản nghị luận cùng đề tài, chủ đề và nhận xét nghệ thuật thuyết phục trong văn bản đó.

2. Vận dụng viết, nói và nghe thảo luận về những vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

3. Chuẩn bị bài 4: Sức sống của sử thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

.....
.....
.....

Tiết: THẾ GIỚI MẠNG VÀ TÔI (Trích) Nguyễn Thị Hậu



I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Đọc

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Xác định được ý nghĩa của văn bản: Cách nhìn nhận về thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận, sức hấp dẫn riêng của cách nghị luận dưới hình thức tâm sự, thổ lộ.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

Đọc mở rộng

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Thái độ chủ động trước thế giới mạng

- Trân trọng những tâm hồn tinh tế, nhạy cảm

- Biết dung hòa cuộc sống thực và ảo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

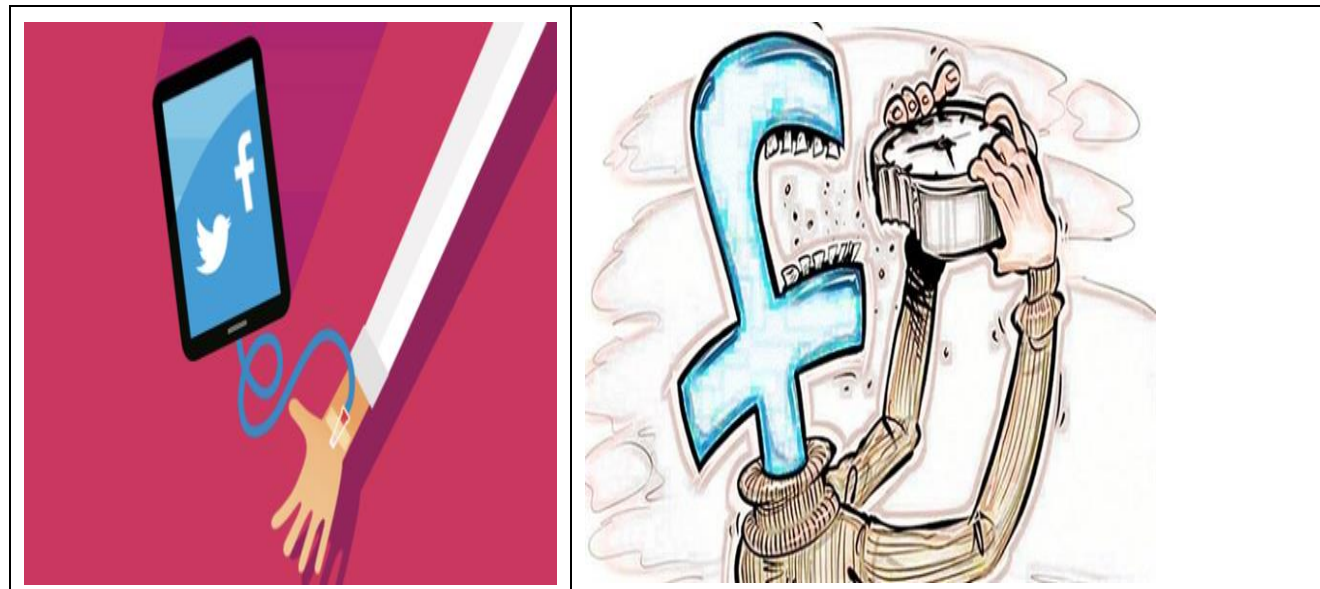
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PP vấn đáp:

GV hướng dẫn HS xem một số hình ảnh về thế giới mạng

<https://www.youtube.com/watch?v=KfT3PEMDVOw&t=32s> (Từ 00:00 - 2:30)



GV đặt câu hỏi:

- Em suy nghĩ gì về thông điệp được gửi tới qua clip trên? Theo em tại sao thế giới lại nghiện mạng xã hội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem và suy nghĩ trả lời cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

Dự kiến câu trả lời của HS:

- Thế giới đã nghiện mạng xã hội lúc nào không hay

- Mạng xã hội quá hấp dẫn: Đưa tới lượng thông tin khổng lồ, giúp kết nối con người khắp nơi trên thế giới, giúp con người giải trí, kinh doanh, thể hiện bản thân,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài:



Hiện nay, hơn 3 tỷ người đăng nhập mạng xã hội và một số người có nhiều hơn một tài khoản. Chúng ta đang dành trung bình khoảng 2 tiếng mỗi ngày để “chia sẻ”, “thích”, viết status và cập nhật thông tin trên các trang mạng. Ta được gì, mất gì từ đó?

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc - Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút, chia sẻ nhóm để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân kết hợp chia sẻ cặp đôi hoàn thành phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu học tập 1: Tìm hiểu tác giả Nguyễn Thị Hậu

Tên thật	
Quê quán	
Năm sinh	
Vị trí văn hóa	
Các tác phẩm	

Phiếu học tập 2: Tìm hiểu tác phẩm “Thế giới mạng & tôi”

Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Nội dung chính	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP

Tìm hiểu tác giả Nguyễn Thị Hậu

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

HS chuẩn bị báo cáo (có thể thảo luận cặp đôi)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi HS phát biểu
- HS khác lắng nghe, chia sẻ, đặt câu hỏi

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

I. Đọc- Tìm hiểu chung

1. Tác giả Nguyễn Thị Hậu



Tên thật	Tên khai sinh là Nguyễn Thị Hậu
Quê quán	Chợ Mới - An Giang: quê cha; và Hà Nội: nơi sinh ra và trưởng thành
Năm sinh	1958
Vị trí văn hóa	- Là nhà văn hóa - Là nhà nghiên cứu khảo cổ
Các tác phẩm	Các tác phẩm văn học đã xuất bản: <i>Đi và tìm trong đất</i> , <i>Khảo cổ học bình dân Nam bộ - Việt Nam</i> , <i>Buổi trưa trong quán cà phê</i> , <i>Văn hóa khảo cổ huyện Cần Giờ (TP.HCM)</i> , <i>Thế giới mạng và tôi</i> , <i>Sài Gòn bao giờ cũng thế</i> , <i>Cách nhau chỉ một giấc mơ</i> , <i>Đô thị Sài Gòn - TP.HCM: Khảo cổ học và bảo tồn di sản...</i>

Tìm hiểu về tác phẩm “Thế giới mạng & tôi” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát SGK, đọc văn bản và thực hiện phiếu học tập số 2 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc chú thích (1), đọc văn bản, sắp xếp thông tin, ghi lại vào vở. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi HS phát biểu - HS khác lắng nghe, chia sẻ, đặt câu hỏi Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Tìm hiểu về tác phẩm “Thế giới mạng & tôi” <table border="1"> <tr> <td>Xuất xứ</td><td>- Trích từ tập “Thế giới mạng & tôi”, NXB Văn học, Hà Nội, 2014, tr.15 - 18</td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td>Tạp văn</td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td><td>Nghị luận</td></tr> <tr> <td>Nội dung chính</td><td>Cách nhìn nhận về thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân: Sự tương tác tức thời và “không biên giới” của thế giới mạng có sức quyến rũ mê hoặc ghê gớm đồng thời là một sức mạnh có thể “hủy diệt” một cá nhân chỉ trong chốc lát.</td></tr> </table> 	Xuất xứ	- Trích từ tập “Thế giới mạng & tôi”, NXB Văn học, Hà Nội, 2014, tr.15 - 18	Thể loại	Tạp văn	Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận	Nội dung chính	Cách nhìn nhận về thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân: Sự tương tác tức thời và “không biên giới” của thế giới mạng có sức quyến rũ mê hoặc ghê gớm đồng thời là một sức mạnh có thể “hủy diệt” một cá nhân chỉ trong chốc lát.
Xuất xứ	- Trích từ tập “Thế giới mạng & tôi”, NXB Văn học, Hà Nội, 2014, tr.15 - 18								
Thể loại	Tạp văn								
Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận								
Nội dung chính	Cách nhìn nhận về thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân: Sự tương tác tức thời và “không biên giới” của thế giới mạng có sức quyến rũ mê hoặc ghê gớm đồng thời là một sức mạnh có thể “hủy diệt” một cá nhân chỉ trong chốc lát.								

Hoạt động 2.2: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh đọc, cảm nhận, phân tích, đánh giá được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản:

- Suy nghĩ và nhìn nhận của tác giả trước sự cám dỗ ghê gớm của thế giới mạng.
- Những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của văn nghị luận: Cách tổ chức, sắp xếp luận điểm, luận cứ, sự kết hòa giữa lí lẽ và dẫn chứng, giọng điệu nghị luận dưới hình thức thổ lộ, tâm tình,...

b. Nội dung: HS quan sát SGK, đọc và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi bằng phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập 3: Tìm hiểu Sức hấp dẫn từ thế giới mạng

Luận đề: Thế giới mạng & tôi



Luận điểm 1: Sức hấp dẫn từ thế giới mạng	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Nhận xét lập luận	

Phiếu học tập 4: Tìm hiểu giới hạn thực - ảo, tốt – xấu

Luận đề: Thế giới mạng & tôi



Luận điểm 1: Giới hạn thực - ảo, tốt – xấu	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

Phiếu học tập 5: Tìm hiểu Thái độ của tác giả trước thế giới mạng

Luận đề: Thế giới mạng & tôi



Luận điểm 1: Thái độ của tác giả trước thế giới mạng	
Thao tác lập luận chính	
Luận cứ 1	
Luận cứ 2	
Luận cứ 3	
Nhận xét lập luận	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Tìm hiểu văn bản *GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản dựa vào bảng kiểm.	II. Đọc- Tìm hiểu chi tiết (Suy ngẫm và phản hồi) 1. Đọc: Yêu cầu đọc: - Đây là bài nghị luận về thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân, được viết ra dưới hình thức tâm sự, thổ lộ, qua đó, thể hiện thái độ chủ động.

- Gọi 1 – 2 HS đọc và giải thích các từ khó (nếu có).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá việc đọc diễn cảm bên dưới.

Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu những từ khó hiểu trong văn bản.

- GV nhận xét, chuẩn hoá cách đọc văn bản.

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản**

Cách 1: Kỹ thuật khăn trải bàn

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia HS thành 3 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:

Hoàn thành **Phiếu học tập 3,4,5** theo kỹ thuật Khăn trải bàn.



- **Nhóm 1: Tìm hiểu sức hấp dẫn từ thế giới mạng**

- **Nhóm 2: Tìm hiểu giới hạn thực - ảo, tốt – xấu**

- Chính vì thế, cần đọc với giọng rõ ràng, mạch lạc, có lúc dứt khoát, mạnh mẽ, có lúc tâm tình chia sẻ,...

2. Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Sức hấp dẫn từ thế giới mạng

Phiếu học tập 3: Tìm hiểu sức hấp dẫn từ thế giới mạng

Luận đề: Thế giới mạng & tôi



Luận điểm 1: Sức hấp dẫn từ thế giới mạng

Thao tác lập luận chính	Phân tích
Luận cứ 1	Thế giới mạng mở ra muôn mặt cuộc sống và giúp con người nhận ra khả năng biến hóa của chính mình: + Thế giới mạng giúp ta trải nghiệm nhiều cung bậc cảm xúc + Thế giới mạng giúp ta trải nghiệm nhiều nghề nghiệp khác nhau + Thế giới mạng giúp ta dám tự tin thể hiện những mong tưởng về nhan sắc, về năng lực + Thế giới mạng giúp ta dám thể hiện thái độ, quan điểm, đánh giá
Luận cứ 2	Thế giới mạng giúp cho nỗi cô đơn của con người loãng ra, nhạt đi và nhẹ đi: + Được soi xét chuyện nhà người khác + Dễ dàng làm quen nhưng cũng dễ dàng chia tay với người khác + Sự tác động của thế giới mạng với bạn: . Có thể mọi chuyện qua đi không để lại dấu vết gì . Có chuyện lại ghi khắc một ấn tượng khó phai

- Nhóm 3: Tìm hiểu thái độ của tác giả trước thế giới mạng GV phát PHT riêng cho từng nhóm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung - Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung - Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức. Cách 2: <u>Chẳng hạn GV có thể hướng dẫn HS</u> tổ chức 1 buổi tọa đàm: Sức thuyết phục của <i>Thế giới mạng & tôi</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gợi ý: Bộ câu hỏi thiết kế để trao đổi trong buổi tọa đàm: 1. Thế giới mạng đem lại sự thú vị hấp dẫn gì cho tác giả?	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="740 149 889 472">Nhận xét lập luận</td><td data-bbox="889 149 1494 472"> - Có lúc tác giả phân tích trên nhiều góc độ với những lí lẽ tương đương nhau, giúp người đọc hình dung ra thế giới mạng đa chiều, mở ra muôn mặt cuộc sống - Có lúc tác giả đưa ra những đánh giá chân thực từ chính trải nghiệm bản thân </td></tr> </table> b. Giới hạn thực - ảo, tốt – xấu từ thế giới mạng Phiếu học tập 4: Tìm hiểu giới hạn thực - ảo, tốt – xấu <table border="1"> <tr> <td colspan="2" data-bbox="740 604 1494 657">Luận đề: Thế giới mạng & tôi</td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="740 657 1494 745" style="text-align: center;">↓</td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="740 745 1494 793">Luận điểm 1: <u>Giới hạn thực - ảo, tốt – xấu</u></td></tr> <tr> <td data-bbox="740 793 979 884">Thao tác lập luận chính</td><td data-bbox="979 793 1494 884">Bình luận</td></tr> <tr> <td data-bbox="740 884 979 1024">Luận cứ 1</td><td data-bbox="979 884 1494 1024">Thế giới mạng tuy ảo nhưng cũng chính là sự thể hiện một phần con người bạn</td></tr> <tr> <td data-bbox="740 1024 979 1894">Luận cứ 2</td><td data-bbox="979 1024 1494 1894"> Sự thể hiện của bạn trên mạng sẽ gặp phải sự va đập của thế giới mạng: + bạn ném ra thứ gì mạng sẽ trả lại thứ đó + thái độ của mạng đối với bạn cũng không hề đơn giản, dễ thấy + giới hạn tốt – xấu trên mạng không dễ nhận ra: . bồ bã tếu táo – hỗn hào . nhận xét khen chê – tăng bốc hoặc mạt sát => sự tương tác tức thời và không giới hạn của thế giới mạng vừa có </td></tr> </table>	Nhận xét lập luận	- Có lúc tác giả phân tích trên nhiều góc độ với những lí lẽ tương đương nhau, giúp người đọc hình dung ra thế giới mạng đa chiều, mở ra muôn mặt cuộc sống - Có lúc tác giả đưa ra những đánh giá chân thực từ chính trải nghiệm bản thân	Luận đề: Thế giới mạng & tôi		↓		Luận điểm 1: <u>Giới hạn thực - ảo, tốt – xấu</u>		Thao tác lập luận chính	Bình luận	Luận cứ 1	Thế giới mạng tuy ảo nhưng cũng chính là sự thể hiện một phần con người bạn	Luận cứ 2	Sự thể hiện của bạn trên mạng sẽ gặp phải sự va đập của thế giới mạng: + bạn ném ra thứ gì mạng sẽ trả lại thứ đó + thái độ của mạng đối với bạn cũng không hề đơn giản, dễ thấy + giới hạn tốt – xấu trên mạng không dễ nhận ra: . bồ bã tếu táo – hỗn hào . nhận xét khen chê – tăng bốc hoặc mạt sát => sự tương tác tức thời và không giới hạn của thế giới mạng vừa có
Nhận xét lập luận	- Có lúc tác giả phân tích trên nhiều góc độ với những lí lẽ tương đương nhau, giúp người đọc hình dung ra thế giới mạng đa chiều, mở ra muôn mặt cuộc sống - Có lúc tác giả đưa ra những đánh giá chân thực từ chính trải nghiệm bản thân														
Luận đề: Thế giới mạng & tôi															
↓															
Luận điểm 1: <u>Giới hạn thực - ảo, tốt – xấu</u>															
Thao tác lập luận chính	Bình luận														
Luận cứ 1	Thế giới mạng tuy ảo nhưng cũng chính là sự thể hiện một phần con người bạn														
Luận cứ 2	Sự thể hiện của bạn trên mạng sẽ gặp phải sự va đập của thế giới mạng: + bạn ném ra thứ gì mạng sẽ trả lại thứ đó + thái độ của mạng đối với bạn cũng không hề đơn giản, dễ thấy + giới hạn tốt – xấu trên mạng không dễ nhận ra: . bồ bã tếu táo – hỗn hào . nhận xét khen chê – tăng bốc hoặc mạt sát => sự tương tác tức thời và không giới hạn của thế giới mạng vừa có														

2. Thế giới mạng giúp gì cho tác giả khi tác giả cô đơn? 3. Bạn có đồng tình với những ý kiến của tác giả về mặt tích cực của thế giới mạng? 4. Có phải lúc nào thế giới mạng cũng cứu vãn được sự cô đơn của tác giả? 5. Tác giả suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ bạn bè trên thế giới mạng? 6. Bạn có tin vào ranh giới thực - ảo, xấu – tốt theo nhìn nhận của cá nhân của tác giả? 7. Tác giả đã lựa chọn như thế nào trước thế giới mạng đầy cám dỗ, mê hoặc? 8. Theo bạn, lựa chọn của tác giả có đúng không?	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="738 151 974 415"></td><td data-bbox="974 151 1485 415"> sức quyến rũ, mê hoặc ghê gớm, vừa có sức mạnh hủy diệt chỉ trong chốc lát => là tấm gương phóng đại nhiều lần tốt đẹp – xấu xa </td></tr> <tr> <td data-bbox="738 415 974 709">Luận cứ 3</td><td data-bbox="974 415 1485 709"> Mối quan hệ bè bạn trên mạng: + từ ảo thành thật + cũng phải chịu những va đập + tưởng thật hóa ra lại ảo </td></tr> <tr> <td data-bbox="738 709 974 1033">Nhận xét lập luận</td><td data-bbox="974 709 1485 1033"> Tác giả đưa ra những lập luận sắc bén để xóa đi những nhầm tưởng của nhiều bạn trẻ về thế giới ảo. Lí lẽ kết hòa cùng những dẫn chứng xác đáng chỉ ra chân thực những vấn đề cốt lõi mà bất kì người tham gia mạng xã hội nào cũng gặp phải </td></tr> </table>		sức quyến rũ, mê hoặc ghê gớm, vừa có sức mạnh hủy diệt chỉ trong chốc lát => là tấm gương phóng đại nhiều lần tốt đẹp – xấu xa	Luận cứ 3	Mối quan hệ bè bạn trên mạng: + từ ảo thành thật + cũng phải chịu những va đập + tưởng thật hóa ra lại ảo	Nhận xét lập luận	Tác giả đưa ra những lập luận sắc bén để xóa đi những nhầm tưởng của nhiều bạn trẻ về thế giới ảo. Lí lẽ kết hòa cùng những dẫn chứng xác đáng chỉ ra chân thực những vấn đề cốt lõi mà bất kì người tham gia mạng xã hội nào cũng gặp phải
	sức quyến rũ, mê hoặc ghê gớm, vừa có sức mạnh hủy diệt chỉ trong chốc lát => là tấm gương phóng đại nhiều lần tốt đẹp – xấu xa						
Luận cứ 3	Mối quan hệ bè bạn trên mạng: + từ ảo thành thật + cũng phải chịu những va đập + tưởng thật hóa ra lại ảo						
Nhận xét lập luận	Tác giả đưa ra những lập luận sắc bén để xóa đi những nhầm tưởng của nhiều bạn trẻ về thế giới ảo. Lí lẽ kết hòa cùng những dẫn chứng xác đáng chỉ ra chân thực những vấn đề cốt lõi mà bất kì người tham gia mạng xã hội nào cũng gặp phải						

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ 3 nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình

+ Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức

+ GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận theo hình thức tổ chức buổi tọa đàm “**Sức thuyết phục của *Thế giới mạng & tôi***” (theo gợi ý tư vấn từ phía GV)

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV tổng hợp ý kiến, nhận xét, đánh giá các nhóm thực hiện nhiệm vụ và chuẩn kiến thức.

c. Thái độ của tác giả trước thế giới mạng

Phiếu học tập 5: Tìm hiểu Thái độ của tác giả trước thế giới mạng

Luận đề: Thế giới mạng & tôi	
↓	
Luận điểm 1: Thái độ của tác giả trước thế giới mạng	
Thao tác lập luận chính	Bình luận
Luận cứ 1	Lựa chọn của tác giả: vẫn lướt mạng mỗi ngày
Luận cứ 2	Nguyên nhân: mạng đem đến cuộc sống phong phú, đa dạng
Luận cứ 3	Xác định thái độ: tỉnh táo để biết nhìn ra chân giá trị của mình, của người

	Nhận xét lập luận	Luận điểm này là hệ quả tất yếu của tất cả những lập luận ở trên. Tác giả đưa lựa chọn dứt khoát mà không cân nhắc hoặc hối tiếc, bởi thay vì chọn cuộc sống đơn điệu tẻ nhạt, tác giả đã chọn cuộc sống phong phú, muôn màu, thay vì chọn sự bình yên, tác giả chọn thử thách đối mặt. Quan trọng nhất tác giả đã xác định rõ ràng thái độ sống của mình: tỉnh táo để biết nhìn ra chân giá trị của mình, của người ⇒ Đây chính là lối sống chủ động, sẵn sàng vượt qua mê hoặc, cám dỗ để được sống nhiều nhất có thể
--	--------------------------	---

Bảng kiểm kỹ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn nghị luận	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện được những đánh giá, suy nghĩ của cá nhân tác giả	
4	Giúp người nghe hiểu những chia sẻ, tâm tình của người trải nghiệm thế giới mạng và sự chủ động trong việc đón nhận đầy bản lĩnh để được sống nhiều nhất	

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn		

4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên sức thuyết phục của văn bản <i>Thế giới mạng & tôi</i>? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV: theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân kết hợp trao đổi nhóm (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Đặc sắc nghệ thuật - Bài viết bình dị, nhẹ nhàng, không mang triết lý cao siêu, không phê phán, dạy dỗ... Đó là những lời tâm sự, thủ thỉ, những suy nghĩ, nhìn nhận của chính tác giả nên có sức tác động mạnh mẽ tới người đọc - Lập luận sắc bén nhưng không khiên cưỡng, không cường điệu; lí lẽ chân thành, dẫn chứng xác thực được chất lọc từ chính những trải nghiệm của tác giả 2. Giá trị nội dung Văn bản đã xác lập một lối sống chủ động trước thế giới mạng đầy những mê hoặc cám dỗ

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn nghị luận theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: thế giới mạng đưa bạn đi đâu? (có thể cho về nhà)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ.	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: trả lời câu hỏi: thế giới mạng đưa bạn đi đâu?	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ, sự bùng nổ của dịch vụ internet và mạng xã hội đã cho phép người dùng tiếp nhận, chọn lọc và sử dụng thông tin một cách hiệu quả, vượt qua mọi trở ngại về không gian và thời gian. Vì vậy, tất cả các vấn đề của thế giới và con người trên mạng đã và đang tác động một cách đa chiều, đa hướng, thường xuyên, liên tục đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, thái độ, hành vi, lối sống của mọi người tham gia. Đi tìm sự thoải mái sau những giờ căng thẳng với những mục đích củng cố, trau dồi kiến thức, trao đổi quan điểm sống trên thế giới mạng để sống vui, khỏe là việc làm đáng trân trọng, đáng khuyến khích. Nhưng không vì thế mà sa đà rồi tới lúc không tự kiềm chế bản thân để rồi rơi vào một thế giới ảo với nhiều hệ lụy. Sử dụng mạng xã hội nhưng ta cũng nên tự xem xét mình đã làm được cái gì tốt cho chính mình, đã để lại cái gì tốt cho thế hệ trẻ và cũng nên nghiêm khắc tự vấn: "ta đã nhiễm bao nhiêu cái xấu, cái độc hại trên mạng xã hội này rồi, ta phải làm thế nào để né tránh nó?"

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân và kết hợp nhóm thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Bài tập dự án.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

1. Sử dụng văn bản làm bài thuyết trình, HS sưu tầm hình ảnh, clip tạo lập video tuyên truyền về cách sử dụng mạng xã hội hợp lý

3. GV hướng dẫn HS đăng kí tham gia trò chơi truyền hình: *Trường teen*

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài tạp văn trong cuốn *Thế giới mạng & tôi*.
- Suru tầm một số bài luận về các vấn đề xã hội nổi bật.
- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....